

Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2017 - 2021

Ngày 25/5/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 705/QĐ-TTg ban hành Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2017 - 2021 (gọi tắt là Chương trình). Kế thừa những thành tựu đã đạt được trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật từ những giai đoạn trước, Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2017-2021 đã xác định những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nhằm đạt được mục tiêu tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và ý thức tuân thủ, chấp hành, tự giác học tập, tìm hiểu pháp luật, xây dựng lối sống và làm việc theo pháp luật trong toàn xã hội; đưa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật phát triển ổn định, bền vững, đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả, góp phần bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền được thông tin về pháp luật của công dân.

Về mục tiêu cụ thể, Chương trình đã xác định 7 mục tiêu cụ thể như sau:

+ Đảm bảo 100% bộ, ngành, đoàn thể, địa phương đều tổ chức phổ biến, thông tin rộng rãi các văn bản quy phạm pháp luật trước và sau khi được ban hành liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao với nội dung và hình thức phù hợp theo quy định của pháp luật.

+ Phấn đấu 90% - 100% các chương trình đào tạo, bồi dưỡng bắt buộc cho cán bộ, công chức, viên chức có nội dung phổ biến, cập nhật thông tin về chính sách pháp luật mới ban

hành được tổ chức định kỳ hàng năm theo quy định của pháp luật.

+ Phấn đấu hàng năm có từ 80% trở lên báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, giáo viên dạy môn giáo dục công dân, giảng viên dạy môn pháp luật được cung cấp, cập nhật thông tin, tài liệu pháp luật, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cần thiết để tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật theo yêu cầu nhiệm vụ.

+ Phấn đấu 100% các nhà trường đều triển khai phổ biến, giáo dục pháp luật theo chương trình giáo dục chính khóa và hoạt động ngoại khóa, có giáo viên, giảng viên dạy môn giáo dục công dân và môn pháp luật theo quy định.

+ Phấn đấu từ 70% - 90% đối tượng đặc thù được phổ biến, giáo dục pháp luật chuyên biệt theo quy định của pháp luật.

+ Khuyến khích, huy động các tổ chức tư vấn pháp luật, tổ chức cung cấp dịch vụ pháp lý, cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu chuyên ngành luật thực hiện tư vấn, hướng dẫn, cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật miễn phí cho Nhân dân; khuyến khích các phương tiện thông tin đại chúng, cơ quan báo chí xây dựng, duy trì chương trình, chuyên trang, chuyên mục về pháp luật;...

+ Bảo đảm triển khai sâu rộng, toàn diện, đồng bộ các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật; cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện đầy đủ trách

nhiệm được giao theo Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật;....

Các nhiệm vụ chủ yếu, Chương trình xác định 6 nhóm nhiệm vụ chủ yếu gồm:

1. Nâng cao nhận thức, phát huy vai trò, trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, của mỗi đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, góp phần tích cực thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, các Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp và nhiệm vụ chính trị được giao.

2. Tổ chức thi hành nghiêm chỉnh, đồng bộ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành; chú trọng hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; tập trung xây dựng, nhân rộng các mô hình điểm, có hiệu quả; kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện; đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

3. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện thể chế, chính sách về phổ biến, giáo dục pháp luật tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ, phù hợp, nhằm triển khai công tác này theo đúng định hướng của Đảng, Nhà nước, đảm bảo thực hiện triệt để, có hiệu quả quyền được thông tin về pháp luật của Nhân dân.

4. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật; kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

5. Đổi mới nội dung, hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật gắn với ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin: (a) Về nội dung: Tập trung tuyên truyền, phổ biến các hành vi bị nghiêm cấm và chế tài xử lý; chú trọng giáo dục ý thức tôn trọng, chấp hành, bảo vệ pháp luật; lợi ích của việc chấp hành pháp luật; tác động của chính sách, pháp luật; quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân; nội dung chính sách, pháp luật về: an ninh quốc phòng, ý thức trách nhiệm về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc; phòng chống tham nhũng, lãng phí; phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội; bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên và ứng phó với biến đổi khí hậu; an toàn thực phẩm; an toàn giao thông; phòng, chống mua bán người, bạo lực gia đình, bạo lực học đường; về cải cách hành chính, cải cách tư pháp và hoạt động tư pháp; về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh,...; (b) Về hình thức: Tiếp tục đa dạng hóa các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật; xây dựng, tổng kết, nhân rộng các mô hình có hiệu quả đã và đang được triển khai thực hiện...; (c) Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, kỹ thuật số trong triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, ưu tiên hình thức trực tuyến thông qua tổ chức thi tìm hiểu pháp luật, tư vấn, giải đáp pháp luật qua điện thoại, mạng xã hội, Công thông tin/Trang thông tin điện tử...; (d) Hướng mạnh hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật về cơ sở, lồng ghép với hòa giải ở cơ sở, tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý, các hoạt động sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, học tập tại

cộng đồng và các phong trào vận động Nhân dân tuân thủ, chấp hành pháp luật,...; (đ) Tăng cường hợp tác quốc tế về phổ biến, giáo dục pháp luật.

6. Khuyến khích, huy động mọi nguồn lực xã hội tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật; phát huy vai trò, trách nhiệm xã hội của các cơ sở nghiên cứu, đào tạo luật, các tổ chức hành nghề luật, luật sư, luật gia, người làm công tác pháp luật tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật cho Nhân dân; phát huy vai trò giám sát, phản biện thực hiện chính sách, pháp luật, vận động Nhân dân, thành viên, hội viên tuân thủ và chấp hành pháp luật của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận tại cơ sở.

Giải pháp thực hiện

Một là, Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng; đề cao trách nhiệm, tinh thần tích cực, chủ động, sáng tạo của Thủ trưởng bộ, ngành, đoàn thể, chính quyền địa phương trong thể chế hóa, tổ chức thực hiện và đảm bảo các điều kiện về nguồn lực, gắn phổ biến, giáo dục pháp luật với quán triệt, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng; hướng tới xác định việc hoàn thành nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật là một trong những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị hàng năm.

Hai là, Nâng cao ý thức trách nhiệm, phát huy tinh thần gương mẫu của cán bộ, công chức, viên chức và toàn thể Nhân dân trong tuân thủ, chấp hành pháp luật, chủ động học tập, tìm hiểu pháp luật.

Ba là, Rà soát, nghiên cứu, đề xuất việc sửa đổi, bổ sung Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành khi có vướng mắc, thiếu khả thi hoặc không còn phù hợp với thực tiễn; đề xuất các biện pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

Bốn là, Triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, trọng tâm là: (a) Đổi mới công tác bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật theo chương trình khung do Bộ Tư pháp ban hành; định kỳ tổ chức, tăng cường trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, đa dạng hóa các hình thức bồi dưỡng, tập huấn gắn với ứng dụng công nghệ thông tin và việc thực hiện nghĩa vụ học tập, tìm hiểu pháp luật bắt buộc trong chương trình đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ, công chức, viên chức; (b) Biên soạn, cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu phổ biến pháp luật phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn, lĩnh vực; (c) Nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng tiện ích của công nghệ thông tin, viễn thông trong hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật với định dạng phù hợp, tương thích với các dịch vụ thư điện tử, mạng xã hội, Cổng thông tin điện tử; khai thác có hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật và các cơ sở dữ liệu pháp luật khác theo quy định; phối hợp xây dựng, khai thác và sử dụng hiệu quả thông tin trên Cổng thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật do Bộ Tư pháp vận hành, quản lý; (d) Phát huy vai trò của các cơ quan báo chí, tạp chí chuyên ngành, Cổng thông tin/Trang thông tin điện tử

trong xây dựng, phát triển chuyên trang, chuyên mục thông tin phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp và hiệu quả.

Năm là, Rà soát, chuẩn hóa, hoàn thiện nội dung chương trình, giáo trình, sách giáo khoa, tài liệu tham khảo phục vụ giảng dạy, học tập môn pháp luật, giáo dục công dân theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực, phù hợp với tâm lý, lứa tuổi người học. Tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy pháp luật chính khóa, hoạt động ngoại khóa, ưu tiên kỹ năng thực hành, kỹ năng sống để phát huy tính chủ động, sáng tạo cho người học; xây dựng bài giảng điện tử, các mô hình trực quan, tình huống pháp lý thực tiễn trong giảng dạy.

Sáu là, Tổ chức khảo sát, đánh giá nhu cầu thông tin về pháp luật để lựa chọn trọng tâm, trọng điểm cần ưu tiên nguồn lực thực hiện; thường xuyên

kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện để kịp thời điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cho phù hợp với từng địa bàn, đối tượng, lĩnh vực, thời điểm.

Để đạt được các mục tiêu đã đề ra, Chương trình còn ban hành kèm theo danh mục gồm 08 đề án (trong đó tiếp tục triển khai thực hiện 05 đề án được ban hành kèm theo Quyết định số 409/QĐ-TTg đến năm 2021, xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành và triển khai thực hiện 03 đề án mới). Đồng thời, giao nhiệm vụ cụ thể cho các Bộ, ngành, đoàn thể trung ương và chính quyền địa phương các cấp trong việc triển khai thực hiện chương trình cũng như ban hành và triển khai thực hiện các đề án thuộc chương trình.

PBGDPL

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Ngày 08/5/2017, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 619/QĐ-TTg quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Quyết định quy định cụ thể về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, bao gồm các tiêu chí tiếp cận pháp luật, nội dung xây dựng, thẩm quyền, quy trình và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Đối tượng áp dụng của Quy định bao gồm: xã, phường, thị trấn (gọi

chung là cấp xã) và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Các tiêu chí tiếp cận pháp luật gồm: 05 tiêu chí thành phần, 25 chỉ tiêu với tổng số 100 điểm, cụ thể: Tiêu chí 1: Bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật (15 điểm); tiêu chí 2: Thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã (30 điểm); tiêu chí 3: Phổ biến, giáo dục pháp luật (25 điểm); tiêu chí 4: Hòa giải ở cơ sở (10 điểm) và tiêu chí 5: Thực hiện dân chủ ở cơ sở (20 điểm). giảm 3 tiêu chí

và 15 chỉ tiêu so với Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 ban hành quy định về chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

Điều kiện công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: Để được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, cấp xã phải đáp ứng đủ các điều kiện như không có tiêu chí nào dưới 50% số điểm tối đa; tổng số điểm của các tiêu chí tiếp cận pháp luật phải đạt từ 90% số điểm tối đa trở lên đối với cấp xã loại I, từ 80% số điểm tối đa trở lên đối với cấp xã loại II và từ 70% số điểm tối đa trở lên đối với cấp xã loại III; kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân đạt từ 80% tổng số điểm tối đa trở lên; trong năm không có cán bộ, công chức cấp xã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức từ cảnh cáo trở lên do vi phạm pháp luật trong thực thi công vụ hoặc phải bồi thường thiệt hại do hành vi công vụ trái pháp luật gây ra.

Thẩm quyền công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: Chủ tịch UBND cấp huyện có thẩm quyền xét, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; thành lập Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật để tư vấn việc đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Quy trình đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: Việc rà soát, đánh giá, chấm điểm, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được tiến hành hằng năm, tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12. Kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân theo quy định

tại điểm đ khoản 2 Điều 5 Quy định này được thực hiện bằng phiếu lấy ý kiến, bảng điện tử hoặc hình thức phù hợp khác tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc kết hợp với đánh giá sự hài lòng của người dân về xây dựng nông thôn mới, chỉ số cải cách thủ tục hành chính hằng năm. Công chức cấp xã được giao theo dõi các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật có trách nhiệm tự chấm điểm, gửi kết quả đến công chức Tư pháp - Hộ tịch. Căn cứ kết quả tự chấm điểm của công chức cấp xã và kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính, công chức Tư pháp - Hộ tịch tổng hợp báo cáo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức họp đánh giá kết quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Cuộc họp có đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp tham dự. Trường hợp xét thấy đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy định này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã gửi hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đến Phòng Tư pháp cấp huyện trước ngày 05 tháng 01 của năm liền kề sau năm đánh giá. Hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật bao gồm: Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn của Ủy ban nhân dân cấp xã; Bảng tổng hợp điểm số của các chỉ tiêu, tiêu chí tự chấm điểm; Bảng tổng hợp kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân; công văn đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và tài liệu

khác (nếu có). Phòng Tư pháp cấp huyện có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giải trình, bổ sung hồ sơ trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Căn cứ kết quả họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật, Phòng Tư pháp cấp huyện lập danh sách cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, danh sách cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và đề xuất các giải pháp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp trước ngày 20 tháng 01 của năm liền kề sau năm đánh giá. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trước ngày 25 tháng 01 của năm liền kề sau năm đánh giá; báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là cấp tỉnh) kết quả công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và các giải pháp đối với cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, quyết định giải pháp xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật hằng năm phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Về niêm yết kết quả đánh giá, công bố cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: Ủy ban nhân dân cấp xã niêm yết công khai kết quả chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật tại trụ sở

TƯ PHÁP ĐIỆN BIÊN

làm việc, nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt cộng đồng của thôn, làng, ấp, bản, phum, sóc, tổ dân phố và cộng đồng dân cư khác và thông báo trên đài, loa truyền thanh cơ sở trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc tự chấm điểm. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố danh sách cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, danh sách cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên Cổng/Trang tin điện tử của địa phương chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công nhận đối với cấp huyện và 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với cấp tỉnh.

Bên cạnh đó, Quyết định cũng quy định cụ thể về trách nhiệm của Bộ Tư pháp trong việc tham mưu, giúp Thủ tướng Chính phủ triển khai xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Ủy ban nhân dân các cấp. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch là đầu mối tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp triển khai thực hiện nhiệm vụ này.

Cùng với việc ban hành Quyết định này, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 14/2017/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 bãi bỏ Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 ban hành quy định về chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

Như Quỳnh

DIỄN BIÊN:

Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Đấu giá tài sản

Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 17/11/2016 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2017. Để triển khai thi hành Luật kịp thời, thống nhất, hiệu quả và đồng bộ, ngày 14/4/2017, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 996/KH-UBND triển khai thi hành Luật Đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh.

Theo đó, Kế hoạch đã xác định mục đích nhằm triển khai kịp thời các nội dung cơ bản của Luật phù hợp với điều kiện và tình hình thực tiễn của địa phương đồng thời xác định cụ thể các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, địa phương có liên quan trong việc tổ chức triển khai thi hành Luật.

Kế hoạch đã đề ra các nội dung thực hiện như: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, triển khai thực hiện Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành; đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác quản lý và đội ngũ đấu giá viên; rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền kịp thời bãi bỏ, thay thế, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản mới phù hợp với Luật Đấu giá tài sản; tiếp tục thực hiện Đề án "Phát triển và tăng cường năng

lực đội ngũ đấu giá viên giai đoạn 2013-2015, định hướng đến năm 2020"; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về tổ chức và hoạt động bán đấu giá tài sản; Xây dựng Đề án chuyển đổi Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản thành doanh nghiệp; tham gia góp ý dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành; Công bố các thủ tục hành chính về đấu giá tài sản; rà soát, thống kê đội ngũ đấu giá viên và các tổ chức đấu giá tài sản đề xuất các giải pháp để nâng cao năng lực đội ngũ đấu giá viên và các tổ chức đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh.

Tại Kế hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao nhiệm vụ cho Sở Tư pháp là cơ quan đầu mối, chủ động theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch; các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng Kế hoạch hoặc ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Luật Đấu giá tài sản và các văn bản hướng dẫn thi hành tại cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương mình. Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động cân đối kinh phí hoạt động trong dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương để triển khai thực hiện theo các chức năng, nhiệm vụ được phân công, bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả./.

Lê Thu

Kế hoạch triển khai Chương trình hành động quốc gia về đăng ký và thống kê hộ tịch giai đoạn 2017-2024



Thanh tra, kiểm tra công tác đăng ký, quản lý hộ tịch

Ngày 24/5/2017, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Điện Biên đã ban hành Kế hoạch số 1416/KH-UBND triển khai Chương trình hành động quốc gia của Việt Nam về đăng ký và thống kê hộ tịch giai đoạn 2017-2024 trên địa bàn tỉnh nhằm cụ thể hóa Chương trình hành động quốc gia về đăng ký và thống kê hộ tịch giai đoạn 2017-2024 của Chính phủ và bảo đảm các sự kiện hộ tịch của công dân được đăng ký kịp thời, đầy đủ chính xác, đúng pháp luật.

Theo đó, UBND tỉnh xác định 08 nhiệm vụ trọng tâm cần triển khai thực hiện như sau:

1. Thành lập Ban Chỉ đạo của tỉnh để triển khai thực hiện Chương trình hành

động của Chính phủ; ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo.

2. Khảo sát, đánh giá, thanh tra, kiểm tra, sơ kết, hướng dẫn tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong thực tế triển khai thi hành quy định của Luật Hộ tịch và các văn bản quy định chi tiết thi hành; Tổ

chức sơ kết 03 năm triển khai thi hành Luật Hộ tịch và các văn bản quy định chi tiết thi hành trên địa bàn tỉnh.

3. Cải thiện cơ sở vật chất, kỹ thuật; hiện đại hóa phương thức đăng ký và thống kê hộ tịch: Rà soát cơ sở vật chất, kỹ thuật (máy vi tính, máy in, kết nối mạng Internet...) đang được sử dụng phục vụ cho công tác đăng ký, quản lý hộ tịch tại các cơ quan đăng ký hộ tịch các cấp, đề xuất trang bị mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ riêng cho công tác đăng ký hộ tịch; Tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật, ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan y tế có chức năng thu thập dữ liệu sinh, tử theo hướng dẫn của Bộ Y tế; Triển khai Dự án khả thi xây dựng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử

toàn quốc, đưa vào vận hành Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc theo Kế hoạch số 1401/KH-UBND ngày 23/5/2016 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Đề án xây dựng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

4. Nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức làm công tác đăng ký, thống kê hộ tịch, bảo đảm tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng bổ trợ: Rà soát, đôn đốc UBND các cấp bố trí đủ số lượng công chức làm công tác hộ tịch tại cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch cấp huyện, cấp xã, đáp ứng được tiêu chuẩn theo quy định của Luật Hộ tịch; Đào tạo, bồi dưỡng công chức làm công tác hộ tịch tại cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch các cấp theo quy định của Luật Hộ tịch.

5. Nâng cao nhận thức của người dân về quyền lợi, trách nhiệm trong đăng ký hộ tịch; nhận thức của cơ quan, tổ chức xã hội về ý nghĩa, vai trò của đăng ký, thống kê hộ tịch.

6. Hoàn thiện mô hình xác định nguyên nhân tử vong, cấp giấy chứng nhận tử vong của cơ quan y tế, kể cả các trường hợp tử vong ngoài cơ sở y tế; nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ y tế thực hiện việc cấp giấy chứng sinh, chứng tử, thu thập và xử lý dữ liệu sinh, tử đặc biệt là về kỹ năng chuẩn hóa và mã hóa cung cấp dữ liệu sinh tử: Triển khai thực hiện mô hình thu thập nguyên nhân tử vong; Đào tạo, nâng cao năng lực của cán bộ y tế làm công tác cấp giấy chứng sinh, giấy báo tử, thu thập, xử lý dữ liệu sinh tử, đặc biệt

là kỹ năng chẩn đoán và mã hóa nguyên nhân chính gây tử vong theo ICD; Hiện đại hóa phương thức thu thập, phân tích và sử dụng số liệu tử vong và nguyên nhân tử vong. Triển khai thực hiện phần mềm báo cáo trực tuyến, xây dựng cơ sở dữ liệu, đào tạo cán bộ sử dụng phần mềm và cung cấp máy móc, trang thiết bị cần thiết.

7. Thu thập chính xác, đầy đủ, kịp thời thông tin thống kê về hộ tịch, đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước và yêu cầu sử dụng của tổ chức, cá nhân: Thống kê công tác đăng ký hộ tịch hàng năm, xác định và công bố tỷ lệ trẻ em được đăng ký khai sinh, tỷ lệ người chết được đăng ký khai tử hàng năm; nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nâng cao tỷ lệ đăng ký hộ tịch bảo đảm đến năm 2024 thực hiện đạt các chỉ tiêu về đăng ký khai sinh, khai tử, xác nhận nguyên nhân tử vong đúng ICD, đăng ký kết hôn, giảm tỷ lệ tảo hôn, xác nhận thông tin về việc quản lý hộ trong sổ hộ tịch, nâng cao tỷ lệ đăng ký nuôi con nuôi, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác thống kê hộ tịch đã đề ra trong Chương trình hành động của Chính phủ. Tổng hợp và công bố số liệu đăng ký hộ tịch hàng năm bảo đảm đầy đủ, chính xác, thống nhất, kịp thời.

8. Xây dựng Quy chế khai thác, sử dụng các số liệu thống kê hộ tịch đã được công bố, phục vụ yêu cầu của tổ chức, cá nhân; phối hợp liên ngành kiểm tra thường xuyên, bảo đảm số liệu thống kê đầy đủ, kịp thời, chính xác.

Nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra, Kế hoạch cũng đưa ra 05 nhóm giải pháp thực hiện như sau:

Thứ nhất, Tăng cường sự chỉ đạo thống nhất của các cấp ủy Đảng, chính quyền đối với công tác đăng ký, thống kê hộ tịch; thực hiện có hiệu quả Kế hoạch, các văn bản chỉ đạo triển khai thi hành Luật Hộ tịch.

Thứ hai, Nâng cao nhận thức của người dân, cơ quan, tổ chức về tầm quan trọng của công tác đăng ký và thống kê hộ tịch.

Thứ ba, Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực làm công tác đăng ký và quản lý hộ tịch, tập trung nguồn lực để xây dựng, triển khai Đề án Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc.

Thứ tư, Tăng cường sự phối hợp của các ngành, các cấp trong công tác hộ tịch, đăng ký, thống kê hộ tịch.

Thứ năm, Thường xuyên kiểm tra, khảo sát, đánh giá, tháo gỡ vướng mắc

trong quá trình triển khai thực hiện Luật Hộ tịch và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

Đồng thời, UBND tỉnh cũng giao trách nhiệm cụ thể cho các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh (gồm Sở Tư pháp, Sở Y tế, Công an tỉnh, Sở Tài chính, Cục Thống kê tỉnh, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Điện Biên Phủ, Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh) và UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc phối hợp tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, ngày 08/6/2017 Sở Tư pháp đã ban hành Kế hoạch số 587/KH-STP triển khai Chương trình hành động quốc gia của Việt Nam về đăng ký và thống kê hộ tịch giai đoạn 2017-2024 để chỉ đạo, triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch 1416/KH-UBND.

Bài & ảnh: PBGDPL

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, trong quý II/2017 Sở Tư pháp đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành một số Kế hoạch, Chương trình triển khai các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực công tác Tư pháp. Điển hình là:

1. Kế hoạch số 1403/KH-UBND ngày 22/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về Tổng kết thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

2. Kế hoạch số 1655/KH-UBND ngày 16/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về Tổng kết thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

3. Kế hoạch số 1654/KH-UBND ngày 16/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về Tổ chức Hội nghị phổ biến pháp luật năm 2017.

Sở Tư pháp Điện Biên tiếp đón Đoàn công tác Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu sang thăm và làm việc

Ngày 19/5/2017, Đoàn công tác của Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu do đồng chí Nguyễn Quang Tản - Giám đốc Sở, Trưởng đoàn đã đến thăm và làm việc tại Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên. Đón tiếp Đoàn công tác có đồng chí Phạm Đình Quế - Giám đốc Sở, các đồng chí Phó Giám đốc Sở và Trưởng các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở.

Tại buổi làm việc, lãnh đạo Sở Tư pháp hai tỉnh đã cùng đánh giá qua về tình hình kinh tế - xã hội và kết quả công tác tư pháp của mỗi tỉnh. Hai bên đã trao đổi, tìm hiểu những vấn đề công tác chuyên môn, những vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ tư pháp, nhất là công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động tư pháp; chia sẻ những cách làm hay, mô hình mới, kinh nghiệm đã



được áp dụng mang lại hiệu quả nhằm giúp đỡ nhau đưa công tác tư pháp của 02 tỉnh ngày càng phát triển.

Lãnh đạo Sở Tư pháp hai tỉnh đều khẳng định, công tác tư pháp có vai trò quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Do đó, việc duy trì mối quan hệ hợp tác và giao lưu, trao đổi kinh nghiệm giữa Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu và Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên về những vấn đề thiết thực, cụ thể mà hai bên cùng quan tâm sẽ góp phần làm sâu sắc hơn mối quan hệ giữa hai tỉnh nói chung cũng như đưa ngành Tư pháp của hai tỉnh Điện Biên, Lai Châu ngày càng đi vào chiều sâu. Mong muốn trong thời gian tới 02 đơn vị sẽ thắt chặt hơn nữa tình đoàn kết, cùng chia sẻ, học hỏi, vận dụng những cách làm hay để áp dụng vào thực tiễn công tác tư pháp của địa phương mình.

Đây là hoạt động có ý nghĩa sâu sắc, thiết thực đã tạo động lực để ngành Tư pháp hai tỉnh cùng phấn đấu hoàn thành tốt công tác chuyên môn của ngành cũng như nhiệm vụ chính trị của từng địa phương trong thời gian tới.

Bài & ảnh: Văn phòng Sở Tư pháp

Công an Điện Biên triệt phá nhóm đối tượng liên tỉnh làm, bán các loại văn bằng, chứng chỉ giả

Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Điện Biên vừa phá thành công chuyên án các nhóm đối tượng có hành vi làm giả giấy phép lái xe mô tô, ô tô và một số loại văn bằng, chứng chỉ. Mặc dù, đối tượng làm giả văn bằng, chứng chỉ có những thủ đoạn tinh vi, khó phát hiện nhưng với biện pháp nghiệp vụ sắc bén các trinh sát, điều tra viên đã nhanh chóng bóc gỡ, triệt phá thành công chuyên án, bắt giữ nhiều đối tượng, liên quan đến nhiều tỉnh thành trong cả nước. Chiến công đặc biệt xuất sắc của lực lượng An ninh điều tra một lần nữa được ghi danh.

Thời gian vừa qua, lực lượng chức năng tỉnh Điện Biên liên tiếp phát hiện nhiều văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận giả mà người sử dụng hầu hết là đội ngũ nhân viên, công chức Nhà nước. Trong đó, phải kể đến những chứng chỉ tin học, ngoại ngữ; giấy phép lái xe ô tô, mô tô giả... được ký tên, đóng dấu, thậm chí là dán tem “bảo an” nhưng người sử dụng lại chưa từng học qua một lớp đào tạo nào. Nhận thấy mức độ vi phạm của các đối tượng không chỉ ảnh hưởng xấu đến uy tín của nhiều cơ quan, tổ chức, làm suy thoái trình độ lao động mà còn gây thiệt hại lớn tới nguồn ngân sách Nhà nước, Phòng An ninh điều tra đã tham mưu với Ban Giám đốc Công an tỉnh xác lập chuyên án mang bí số HBP3 để đấu tranh, với quyết tâm phá án trong thời gian sớm nhất.

Sau thời gian gần ba tháng xác minh, điều tra tại nhiều địa bàn trong tỉnh Điện Biên và các tỉnh giáp ranh; cùng với sự hỗ trợ của các đơn vị nghiệp vụ Công an tỉnh, bước đầu Ban chuyên án đã xác định được danh tính các đối tượng trong đường dây làm giả văn bằng chứng chỉ, gồm: Phạm Văn Trường (SN 1992) trú tại phường Thanh Trường, TP Điện Biên Phủ; Dương Mạnh Quân (SN 1984) trú tại xã Chà Cang, huyện Nậm Pồ; Trần Thị Hương (SN 1992) trú tại phường Mường Thanh, TP Điện Biên Phủ; Đào Thị Thu Phương (SN 1989) tạm trú tại phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội; Hàn Thanh Tùng (SN 1990) trú tại phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội; Hồ Đình Sùng (SN 1978) trú tại phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội và Nguyễn Ngọc Truyền (SN 1980) trú tại phường Duyệt Trung, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng... đồng thời ra quyết định khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú với hàng chục đối tượng khác có liên quan. Vật chứng bước đầu thu giữ gồm 4 xe máy, 700 phôi văn bằng, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ, tiếng dân tộc giả cùng nhiều tài liệu, phương tiện như máy tính, máy in, con dấu, chữ ký phục vụ cho hành vi phạm tội. Bước đầu các đối tượng khai nhận: với mỗi văn bằng, chứng chỉ giả, các đối tượng thường được hưởng từ 300 nghìn đến 500 nghìn đồng tiền

chênh lệch sau khi đã “nhận hàng” và bàn giao cho người có nhu cầu mua.

Sau khi khởi tố, bắt giữ các đối tượng trong đường dây làm giả giấy phép lái xe và các loại văn bằng, chứng chỉ trên, cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Điện Biên đã tập trung lực lượng đấu tranh với các đối tượng; đồng thời tiếp tục thu thập thông tin để mở rộng chuyên án. Với những chứng cứ, tài liệu thu thập được, ngày 02/12/2016, cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Điện Biên tiếp tục khởi tố bị can và thực hiện lệnh bắt tạm giam đối với các đối tượng Ngô Văn Hoàng (SN 1995) trú tại xã Đại Thành, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (hiện đang là sinh viên trường Đại học Thành Đô, TP Hà Nội) và Vũ Đình Thắng (SN 1978) trú tại phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, đồng thời cũng là Chủ tịch hội đồng thành viên Công ty TNHH Tư vấn và Đào tạo “Tầm Nhìn Lớn”. Vũ Đình Thắng chính là đối tượng làm ra các loại văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ, tin học với số lượng lớn để bán cho những người sử dụng bất hợp pháp mà không cần qua đào tạo tại Công ty do Thắng làm Chủ tịch hội đồng thành viên với giá 150 nghìn đồng một cặp chứng chỉ tin học, ngoại ngữ. Sau đó với mỗi loại, các đối tượng trong đường dây sẽ được hưởng từ 200 nghìn đến 300 nghìn đồng một chứng chỉ.

Quá trình khám xét nơi ở và cũng là trụ sở Công ty TNHH Tư vấn và Đào tạo “Tầm Nhìn Lớn”, cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Điện Biên đã phát hiện và thu giữ nhiều phương tiện, tài liệu liên quan đến hoạt

động làm giả văn bằng, chứng chỉ cùng 5.000 phôi giấy chứng nhận giả. Tại cơ quan Công an, các đối tượng khai nhận bằng thủ đoạn sử dụng các trang mạng xã hội như Zalo, facebook để giấu danh tính và trao đổi thông tin, cùng với việc sử dụng phương thức giao hàng, thu tiền hộ (dịch vụ COD), Vũ Đình Thắng và đồng bọn đã lấy thông tin, ảnh sau đó làm theo nhu cầu của khách hàng tại nhiều tỉnh, thành trong cả nước với số lượng lên đến hàng chục ngàn văn bằng, chứng chỉ giả các loại.

Sau hơn nửa năm lần theo manh mối, đấu trí quyết liệt với tội phạm, trải qua muôn vàn khó khăn, các nhóm đối tượng có hành vi làm giả giấy phép lái xe và các loại văn bằng, chứng chỉ giả đã bị khởi tố, tạm giam và chờ ngày xét xử. Tuy nhiên, theo pháp luật hiện hành, cơ quan tố tụng mới chỉ xử lý người sản xuất, bán văn bằng, chứng chỉ giả; trong khi hành vi của người mua và sử dụng thường không xác định được hoặc nếu xác định được thì chỉ xử lý hành chính... Do đó, phải có chế tài xử lý nghiêm cả với những người sử dụng văn bằng, chứng chỉ giả mới làm giảm tình trạng mua bán bằng cấp như trên. Vụ án này cũng là hồi chuông cảnh tỉnh cho những ai đang sử dụng các văn bằng, chứng chỉ giả... để vào làm việc trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, xã hội hoặc để mưu cầu mục đích cá nhân thì sớm muộn cũng bị phát hiện, lúc ấy sẽ phải trả giá đắt cho việc làm gian dối của mình./.

Thiếu tá. Hoàng Xuân Sang

*Phó Trưởng phòng Công tác chính trị,
Công an tỉnh Điện Biên*

TRỢ GIÚP PHÁP LÝ LƯU ĐỘNG:

Nơi vùng biên Tổ quốc

Thực hiện Kế hoạch công tác trợ giúp pháp lý năm, đoàn công tác chúng tôi lên đường đến với vùng cực tây Tổ quốc để thực hiện trợ giúp pháp lý lưu động về cơ sở. Với cái nắng như đổ lửa của tháng tư và con



đường hàng trăm cây số để về với bản làng là một trong những khó khăn, thử thách mà buộc chúng tôi phải vượt qua. Nhưng cùng với sức trẻ, lòng nhiệt huyết với nghề đã khiến tinh thần của đoàn công tác không hề nao núng mà ngược lại, ai cũng hăm hở, vui mừng vì được quay trở về giúp bà con dân bản thêm hiểu biết về các quy định của pháp luật, thêm tin tưởng vào các chính sách nhân đạo của Nhà nước dành cho người dân.

Nhắc đến A Pa Chải, ai cũng biết nơi đây là vùng cực Tây của Tổ quốc với cột mốc số 0 đánh dấu chủ quyền của đất nước Việt Nam với các nước láng giềng Lào và Trung Quốc. Nơi chỉ một con gà gáy, cả ba nước Việt Nam, Lào và Trung Quốc cùng nghe. Với tính chất một bản giáp vùng biên, gần cửa

khẩu thông thương với Trung Quốc. Ất hẳn, bản A Pa Chải sẽ phát triển và đời sống người dân được cải thiện. Nhưng có lẽ với bản chất cần cù, chân chất của người dân tộc Hà Nhì mà cuộc sống của người dân chỉ biết gắn chặt với một nghề sản xuất chính, đó là làm nương, rẫy. Người dân trong bản quanh năm chỉ biết bán mặt cho đất, bán lưng cho trời. Cái đói, cái nghèo vẫn đâu đó len lén xuất hiện trong các hộ gia đình sinh sống tại nơi đây.

Đoàn công tác của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên đến bản cũng khá muộn. Mọi người trong đoàn đều khá mệt sau chặng đường dài trên xe. Vội vàng tắm giặt và ăn uống qua loa, đoàn công tác xuất phát đến điểm họp dân quen thuộc của

bản: “*hội trường kiêm lớp học của các cháu mầm non trong bản A Pa Chải*”.

Với đặc điểm của mùa vụ cùng lối sống, sinh hoạt của người dân, đoàn chúng tôi bắt đầu trợ giúp pháp lý lưu động tại bản A Pa Chải vào lúc đã khá muộn, khi người dân đã thấm mệt sau ngày lao động vất vả trên nương, rẫy. Đón đoàn là anh trưởng bản với làn da đen bóng cùng nụ cười hồn hậu, dễ mến biểu hiện cho sự thân thiện của người dân nơi đây. Biết Đoàn công tác đã chờ dân đến họp từ khá lâu, anh trưởng bản khá ngại ngùng, chỉ nhẹ nhàng nói: “*các đồng chí thông cảm, người dân đi làm nương giờ về tắm giặt và ăn cơm xong là sang luôn đấy*”. Chúng tôi cười và đáp lời cho anh yên tâm. Vì chúng tôi biết, bản A Pa Chải là bản quy củ, nề nếp, đặc biệt trong việc sinh hoạt, họp hành. Gần chín giờ, người dân đã đến gần kín hội trường của nhà văn hóa. Điều khiển buổi trợ giúp pháp lý lưu động là đồng chí Lê Thị Diệu – Phó Giám đốc Trung tâm kiêm trưởng đoàn. Được sự hướng dẫn tận tình, cụ thể của đồng chí trưởng đoàn cùng các thành viên trong đoàn công tác, người dân dần chia sẻ, bộc bạch về những khó khăn trong cuộc sống và những hạn chế, thiếu hiểu biết về mặt pháp luật của bà con trong bản A Pa Chải. Đoàn công tác lắng nghe và cùng bà con tháo gỡ những vướng mắc trong đời sống theo quy định của nhà nước. Nhận được sự giải đáp, tư vấn tận tình của đoàn công tác, người dân đã hiểu rõ hơn về các

quy định của pháp luật. Đã biết cách sống và làm việc theo đúng Hiến pháp và pháp luật. Góp phần giảm thiểu tình trạng vi phạm pháp luật xảy ra trên địa bàn của xã, bản.

Kết thúc buổi trợ giúp pháp lý lưu động, đoàn công tác đã tư vấn, hướng dẫn và giải đáp được nhiều ý kiến vướng mắc của người dân có đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý. Tại buổi trợ giúp pháp lý lưu động, các thành viên của đoàn công tác phát miễn phí tận tay người dân những loại tờ gấp pháp luật do Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên soạn và in ấn với những nội dung gắn liền với thực tiễn đời sống bà con như: Pháp luật về trợ giúp pháp lý; Một số quyền của người khuyết tật... Qua đó, cũng là hình thức lồng ghép kiến thức pháp luật vào đời sống người dân trong bản A Pa Chải nói riêng và người dân tại xã Sín Thầu nói chung.

Chia tay bà con bản A Pa Chải, hẹn một dịp gần nhất sẽ quay lại thăm bản, thăm bà con. Đoàn công tác trở về để tiếp tục trợ giúp pháp lý lưu động tại các bản khác trong đợt trợ giúp pháp lý lưu động đầu năm, các thành viên trong đoàn công tác đều vui vẻ, phấn khởi khi thực hiện được việc làm có ích cho xã hội và người dân trong bản vùng biên – nơi cực Tây Tổ Quốc./.

Bài & Ảnh: **Lê An**
(TT TGPLNN)

Thị xã Mường Lay:

Tổ chức lớp tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng công tác hòa giải ở cơ sở năm 2017

Thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở, Phòng Tư pháp thị xã Mường Lay đã phối hợp với Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị thị xã tổ chức lớp tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng công tác hòa giải ở cơ sở năm 2017 cho Tổ trưởng Tổ hòa giải và trưởng Ban công tác Mặt trận trên địa bàn Thị xã.

Dự khai mạc có các đồng chí: Vũ Duy Luân - Phó Bí thư Thị ủy, Chủ tịch HĐND; đồng chí Nghiêm Văn Cầm- Phó Chủ tịch UBND thị xã; đồng chí Hà Thị Ánh Tuyết - Chủ tịch UBMTTQ thị xã và đại diện lãnh đạo: Văn phòng Thị ủy, HĐND-UBND, các Ban đảng, UBND các xã, phường, Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị thị xã, các đồng chí báo cáo viên pháp luật và 90 đồng chí học viên là Tổ trưởng tổ Hòa giải, Trưởng ban công tác Mặt trận thuộc 49/49 tổ dân phố, bản trên địa bàn thị xã.

Lớp tập huấn được tổ chức từ ngày 23 đến hết ngày 24/3/2017, các

UBND tỉnh ban hành kế hoạch tổng kết 6 năm thi hành Luật Thanh tra trên địa bàn tỉnh

Ngày 29/5/2017, UBND tỉnh Điện Biên đã ban hành Kế hoạch số 469/KH-UBND về tổng kết toàn diện việc thi hành Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra trong giai đoạn từ ngày 01/7/2011 đến ngày 30/6/2017 trên phạm vi toàn tỉnh.

Yêu cầu trọng tâm tổng kết là việc thi hành các quy định của Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi

học viên được tiếp thu 04 chuyên đề chính, gồm: Những nội dung cơ bản của Luật Hòa giải ở cơ sở, văn bản hướng dẫn liên quan; Nghiệp vụ, kỹ năng hòa giải, kiến thức pháp luật lĩnh vực đất đai, xây dựng, một số vướng mắc về công tác hòa giải ở cơ sở; Kinh nghiệm hòa giải trong một số lĩnh vực, Hướng dẫn sử dụng Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở, biểu mẫu biên bản liên quan; Phổ biến một số nội dung cơ bản các văn bản Luật: Bộ luật Dân sự 2015, Luật Hôn nhân & gia đình 2014... do các đồng chí báo cáo viên, giảng viên thị xã truyền đạt.

Việc tổ chức lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ, kỹ năng công tác hòa giải ở cơ sở năm 2017 đã trang bị cho đội ngũ Tổ trưởng tổ Hòa giải; Trưởng ban công tác Mặt trận ở cơ sở những kiến thức cơ bản về công tác hòa giải để vận dụng vào thực tế tại địa phương, cơ sở./.

ĐT

hành; nội dung tổng kết phải phản ánh đúng thực trạng; chú trọng các nhận định, đánh giá và phát hiện mô hình, kinh nghiệm tốt; những khó khăn, bất cập; tránh việc thống kê kết quả đơn thuần hoặc báo cáo thành tích. Việc tổ chức tổng kết phải được tiến hành nghiêm túc, khách quan, dân chủ và toàn diện từ cơ sở; thu hút và phát huy trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức ngành Thanh tra; huy động

được sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân; bảo đảm tiến độ, chất lượng, tiết kiệm; chú trọng công tác tuyên truyền.

Mục đích của việc Tổng kết là đánh giá kết quả đạt được qua 6 năm thi hành Luật Thanh tra; những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân trong việc tổ chức thi hành Luật Thanh tra; đánh giá sự thống nhất, đồng bộ, phù hợp của Luật Thanh tra với Hiến pháp 2013, các luật thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Thanh tra Chính phủ và các luật khác có liên quan. Kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản pháp luật để xử lý trùng lặp, chồng chéo trong hoạt động thanh tra, nhất là

hoạt động thanh tra chuyên ngành; tìm ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra trong thời gian tới.

Về công tác thi đua khen thưởng, dự kiến bình xét và khen thưởng đối với 02 tập thể, 05 cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác tham mưu và tổ chức thực hiện Luật Thanh tra.

Ngoài ra, Kế hoạch cũng giao nhiệm vụ cho Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Thanh tra tỉnh chuẩn bị các điều kiện cần thiết và tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức hội nghị tổng kết 6 năm thi hành Luật Thanh tra trước 20/7/2017.

Hoàng Văn Minh
Thanh tra Sở Tư pháp

Chi đoàn Thanh niên Sở Tư pháp:

Đẩy mạnh các hoạt động phong trào Đoàn và xung kích phát triển kinh tế - xã hội

Thực hiện Nghị quyết đại hội Chi đoàn nhiệm kỳ 2017-2019, chương trình công tác năm 2017, Chi đoàn Thanh niên Sở Tư pháp đã tích cực tổ chức các hoạt động phong trào Đoàn thu hút sự hưởng ứng tham gia của toàn thể đoàn viên, thanh niên trong Chi đoàn.

Từ ngày 22/5 đến ngày 25/5/2017, Chi đoàn đã phối hợp với Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh tổ chức 01 đợt trợ giúp pháp lý lưu động tại 02 xã Tả Phìn, Tả Sìn Thành huyện Tủa Chùa; theo đó, đoàn công tác đã thực hiện 08 buổi trợ giúp pháp

lý cho 275 lượt người tham dự, tiếp nhận và thực hiện trợ giúp pháp lý 33 vụ việc cho 32 người, trong đó hôn nhân và gia đình 02 vụ, đất đai 03 vụ, chế độ chính sách và ưu đãi xã hội 10 vụ, hình sự 01 vụ, khác 17 vụ; đồng thời thực hiện truyền thông nâng cao nhận thức cho nhân dân về công tác trợ giúp pháp lý.

Cũng trong tháng 5/2017, Chi đoàn đã tổ chức 01 Hội nghị kết hợp sinh hoạt chuyên đề để triển khai nhiệm vụ lấy ý kiến đối với dự thảo các văn kiện đại hội Đoàn TNCSHCM Dân chính Đảng và Tỉnh đoàn TNCSHCM

khóa VIII nhiệm kỳ 2017-2022, bầu đại biểu dự đại hội đoàn cấp trên theo hướng dẫn của Ban Thường vụ Đoàn Dân chính Đảng tỉnh. Đặc biệt, Chi đoàn đã tổ chức sinh hoạt chuyên đề với chủ đề “Kỹ năng tham gia góp ý dự thảo văn bản pháp luật” do đoàn viên của Chi đoàn thực hiện. Đến dự và phát biểu tại Hội nghị, đồng chí Nguyễn Thị Phương – Phó Bí thư Chi bộ, Phó Giám đốc Sở Tư pháp đã nhấn mạnh: “*Đây là nội dung chuyên đề có ý nghĩa rất quan trọng và thiết thực đối với đoàn viên, thanh niên Sở Tư pháp trong tình hình hiện nay khi công tác tham gia góp ý kiến vào dự thảo văn bản pháp luật được quan tâm và thực hiện thường*

xuyên, là khâu đóng vai trò quan trọng vào việc nâng cao chất lượng các văn bản pháp luật”, đồng thời chia sẻ nhiều kinh nghiệm quý báu về kỹ năng, phương pháp tham gia góp ý kiến vào dự thảo văn bản pháp luật với toàn thể đoàn viên, thanh niên trong Chi đoàn.

Nhân dịp ngày Quốc tế Thiếu nhi (01/6/2017), Chi đoàn đã phối hợp với các phòng, đơn vị thuộc Sở và các tổ chức đoàn thể tổ chức quyên góp, ủng hộ bằng tiền mặt để trao 80 suất quà cho các cháu thiếu nhi là con em của cán bộ, công chức, viên chức Sở Tư pháp với tổng trị giá hơn 9 triệu đồng.

CĐTN

Phát huy lợi thế tuyên truyền bằng hình ảnh trong phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh

Bước sang thế kỷ 21, với sự phát triển như vũ bão của truyền hình, công nghệ số... đã được “phủ sóng” tới từng hộ dân khu vực trung tâm, thị trấn, thị xã, thành phố; Điện ảnh ngày nay không còn giữ được vị trí “Hoàng kim”, khán giả có nhiều sự lựa chọn các nội dung, kênh vui chơi giải trí trên các phương tiện thông tin đại chúng và nhu cầu thưởng thức các tác phẩm điện ảnh thông qua màn ảnh rộng ngày càng ít đi.

Song với đặc điểm của một tỉnh miền núi, biên giới phía Bắc, địa bàn chia cắt, giao thông đi lại khó khăn, nhiều thôn bản hẻo lánh, vùng nhiều dân tộc thiểu số sinh sống, điện lưới quốc gia và các phương tiện thông tin khác chưa tới được, trình độ dân trí còn ở mức thấp lại thường xuyên bị

tác động bởi các thế lực thù địch nhằm lôi kéo một số phần tử chống phá chế độ, nhu cầu được xem, hưởng thụ văn hóa nghệ thuật cũng như các tác phẩm Điện ảnh của bà con nhân dân ở vùng này là rất lớn.... lại trở thành địa bàn hoạt động, phục vụ chính của các đội chiếu bóng lưu động thuộc Trung tâm phát hành phim và chiếu bóng tỉnh Điện Biên.

Với quan điểm lấy cơ sở làm địa bàn hoạt động chính, các thôn bản vùng sâu, vùng xa, vùng nhiều dân tộc thiểu số sinh sống, vùng biên giới là địa chỉ phục vụ. Trung tâm phát hành phim và chiếu bóng tỉnh Điện Biên đã chủ động phối hợp với một số đơn vị có chức năng tuyên truyền, xây dựng kế hoạch, chỉ đạo, động viên anh em viên chức 08 Đội chiếu bóng lưu động

tại địa bàn các huyện, thị chủ động bám sát địa bàn, làm tốt công tác dân vận, tranh thủ sự ủng hộ giúp đỡ của các cấp chính quyền, của bà con nhân dân, quyết tâm khắc phục các khó khăn, mang vắc vên chuyển thiết bị, vượt qua các thách thức về thời tiết, giao thông, với lòng yêu nghề, tinh thần trách nhiệm để tổ chức tốt, hiệu quả và hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của mình.

Với bình quân 180 buổi chiếu/01 đội/năm, nội dung phim đa dạng, phong phú, đổi mới nguồn phim, cách thức tuyên truyền, lựa chọn chủ đề phù hợp với truyền thống tập quán các dân tộc, các chương trình phim bằng hình ảnh được chiếu trên màn ảnh rộng, nội dung phim được lồng ghép khá đa dạng phong phú như: Phim dành cho thiếu nhi, phim tài liệu tuyên truyền, ca nhạc, phim truyện; một số phim được

lồng dịch sang hai thứ tiếng Mông và Thái; Các nội dung tuyên truyền chủ chương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phổ biến giáo dục pháp luật, phòng chống các loại tội phạm, ma túy, HIV, bạo lực gia đình, an toàn giao thông, hướng dẫn phát triển kinh tế gia đình... mỗi thước phim, mỗi thể loại tư liệu được bà con nồng nhiệt đón nhận và mang đến cho khán giả, cho đồng bào nhân dân các dân tộc trong tỉnh thêm niềm tin vào Đảng, vào Bác Hồ vào sự nghiệp đổi mới của tỉnh của đất nước. Có thể nói hoạt động chiếu bóng lưu động tại các địa bàn này đã có sự tác động trực tiếp, lan tỏa, sâu rộng tới từng người dân, thực sự có hiệu quả, để tiếp tục khẳng định mỗi viên chức chiếu bóng lưu động là một chiến sỹ văn hóa, đội chiếu bóng lưu động là lực lượng xung kích trên mặt trận tư tưởng văn hóa của Đảng trong

thời kỳ đổi mới, góp phần quan trọng trong việc nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân, phát triển kinh tế, xã hội, an ninh trật tự vùng biên được ổn định và giữ vững./.



(Đội chiếu bóng số 02 - Trung tâm Phát hành phim và chiếu bóng tỉnh chiếu phim phục vụ bà con nhân dân tại bản Phiêng Hoa, xã Phình Sáng, huyện Tuần Giáo)

*Bài & Ảnh: Dương Thanh
Trung tâm phát hành phim và
chiếu bóng tỉnh Điện Biên*

Người Lãnh đạo ngành Tư pháp

“Đam mê nghề nghiệp”

“Một người lãnh đạo trách nhiệm, nhiệt huyết, tận tụy với công việc, giản dị, gương mẫu trong lối sống” hay “Con người của công việc”, đó là những gì mọi người thường nói khi nhắc về chị Nguyễn Thị Phương – Phó giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên.

Năm 1985, Chị tốt nghiệp Đại học luật Hà Nội, chuyên ngành Luật Nhà nước, tháng 8 năm 1986 chị vào làm tại Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu (cũ) rồi Trường Trung cấp Kinh tế kế hoạch tỉnh Lai Châu, Trường chính trị tỉnh Lai Châu (cũ), Trường chính trị tỉnh Điện Biên (sau khi chia tách thành 2 tỉnh Điện Biên, Lai Châu). Trải qua các cương vị công tác khác nhau với tinh thần trách nhiệm cao và sự nỗ lực trong công việc, Chị luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Tháng 9 năm 2011, chị được điều động, bổ nhiệm giữ cương vị Phó Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên.

Sáu năm (2011 – 2017), trên cương vị Phó giám đốc Sở Chị đã từng trực tiếp chỉ đạo, quản lý về các lĩnh vực Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) và theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Phổ biến, giáo dục pháp luật; Kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; Công tác pháp chế sở, ngành; Công tác kiểm soát thủ tục hành chính; Quản lý, xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi

hành pháp luật; Theo dõi và chỉ đạo công tác tư pháp tại một số huyện, thị trên địa bàn tỉnh. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, Chị cũng luôn thể hiện rõ tinh thần trách nhiệm cao và lòng nhiệt tình, say mê với công việc. Nhận thức rõ và luôn trăn trở về những khó khăn đặc thù của ngành Tư pháp, Chị đã không ngừng tự học tập, nghiên cứu để trau dồi kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng mọi yêu cầu nhiệm vụ đặt ra; chủ động học hỏi, tìm tòi, sáng tạo, dành thời gian nghiên cứu những nội dung văn bản mới, sách báo, công nghệ thông tin gắn với tình hình thực tế để phục vụ đắc lực cho công việc chuyên môn.... Luôn sát sao trong công tác chỉ đạo, điều hành kết hợp với định hướng, “cầm tay chỉ việc” đối với đội ngũ công chức, viên chức chuyên môn; Chị luôn nhắc nhở cán bộ, công chức, viên chức phải nêu cao tinh thần chủ động, sáng tạo, tự lực trong nghiên cứu và tham mưu. Với sự cố gắng và tinh thần trách nhiệm cao của Chị cùng tập thể cơ quan, trong thời gian qua công tác tư pháp đã đạt được nhiều thành quả đáng ghi nhận, điển hình như: Công tác xây dựng và thẩm định văn bản QPPL đã đi vào nề nếp, toàn ngành đã tích cực thẩm định đúng và vượt tiến độ các dự thảo văn bản QPPL, các văn bản thẩm định đều có chất lượng đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp; Công tác rà soát, kiểm tra văn bản được tiến hành thường

xuyên, đóng góp ý kiến vào dự thảo văn bản QPPL, kiểm tra bản QPPL theo thẩm quyền, cập nhật kịp thời các văn bản QPPL cấp tỉnh vào cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, kịp thời kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc bãi

bỏ những văn bản trái pháp luật, giúp chính quyền các cấp nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước tại địa phương; Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở kịp thời được triển khai theo đúng quy định của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, Luật Hòa giải ở cơ sở, được tăng cường hơn trước và từng bước phát huy được sức mạnh tổng hợp của các cấp, các ngành trong việc tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến với nhân dân; Hoạt động tổ chức bán đấu giá tài sản có nhiều bước phát triển mới.

Với lòng yêu ngành, yêu nghề, luôn trăn trở trước những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn triển khai nhiệm vụ chuyên môn, Chị đã mạnh dạn xây dựng, áp dụng và chỉ đạo công chức thuộc các bộ phận được giao phụ trách áp dụng các đề tài sáng kiến như “*Các giải pháp nâng cao chất lượng công tác kiểm soát thủ tục hành chính tại tỉnh Điện Biên*”, “*Một TƯ PHÁP ĐIỆN BIÊN*



số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Điện Biên” được công nhận, đánh giá cao đã góp phần đem lại hiệu quả trong công tác, nâng cao chất lượng công tác tham mưu cho UBND tỉnh về thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC, cải cách TTHC tại địa phương.

Chị còn là một đảng viên gương mẫu, một hội viên tiêu biểu của các tổ chức, đoàn thể. Là Phó Bí thư Chi bộ Sở Tư pháp, Ủy viên Ban chấp hành Liên đoàn Lao động tỉnh Điện Biên, Ban Chấp hành Công đoàn viên chức tỉnh, Ban Chấp hành Hội Luật Gia tỉnh, Ban chấp hành Hội Liên Hiệp Phụ nữ tỉnh, Chủ tịch công đoàn Sở Tư pháp, Chị đều nhiệt tình thực hiện nhiệm vụ được giao, tham gia sinh hoạt Đảng, Ban Chấp hành và đóng góp ý kiến nhằm góp phần thực hiện có hiệu quả các Chương trình, kế hoạch của tổ chức, đoàn thể; Vận động đoàn viên,

hội viên tổ chức mình tích cực thực hiện, luôn ủng hộ các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao qua đó động viên, khích lệ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong Ngành tích cực tham gia vào các hoạt động của cơ quan đoàn thể, tạo không khí phấn khởi trong toàn Ngành; tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, ủng hộ do cơ quan và các tổ chức đoàn thể phát động.

Ghi nhận những thành tích trên, Chị đã vinh dự nhận được nhiều phần thưởng cao quý từ các cấp như Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bằng khen của Công đoàn Viên chức Việt Nam; Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, Bằng khen của Liên đoàn Lao động tỉnh Điện Biên, Kỷ niệm chương

vì sự nghiệp xây dựng tổ chức công đoàn năm 2008, Kỷ niệm chương vì sự phát triển của Phụ nữ Việt Nam, danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở nhiều năm liền.... Trong vai trò vừa là người lãnh đạo, vừa là người tham mưu, đề xuất các chủ trương, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả các lĩnh vực được giao phụ trách, chị luôn khắc phục mọi khó khăn, tận tâm với công việc, cống hiến hết mình vì sự phát triển của ngành Tư pháp, luôn gương mẫu, giản dị trong lối sống, quan tâm giúp đỡ đồng chí, đồng nghiệp. Một người lãnh đạo trách nhiệm, nhiệt huyết, đam mê công việc, nghị lực trong cuộc sống và công tác, Chị luôn là tấm gương sáng để thế hệ trẻ chúng tôi học tập, noi theo.

Bài & Ảnh: PBGDPL

Tư pháp Nậm Pồ

NGUYÊN TẮC, KỶ CƯƠNG, TÌNH THƯƠNG, TRÁCH NHIỆM

Nậm Pồ là huyện được thành lập trên cơ sở chia tách các đơn vị hành chính theo Nghị quyết số 45/NQ-CP ngày 25/8/2012 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính để thành lập đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện thuộc tỉnh Điện Biên. Phòng Tư pháp huyện Nậm Pồ được thành lập theo Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 của UBND tỉnh Điện Biên về việc thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện Nậm Pồ.

Ngày 23/6/2013, huyện Nậm Pồ chính thức ra mắt và đi vào hoạt động. Với đặc thù là một huyện miền núi biên

giới (có 8/15 xã biên giới), thành phần dân tộc chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống (dân tộc Mông chiếm 69,18%), mặt bằng dân trí thấp, nhận thức về các vấn đề pháp luật và công tác tư pháp còn hạn chế; địa bàn rộng (gần 150.000ha), điều kiện đi lại khó khăn, sự phân bố dân cư không tập trung. Trong khi đó Phòng Tư pháp huyện biên chế 01 đ/c; công chức Tư pháp-hộ tịch các xã 22 đ/c. Đội ngũ cán bộ, công chức Tư pháp từ cấp huyện đến xã còn thiếu và chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác, nhưng ngay từ những ngày đầu phòng Tư pháp đã nhận được sự quan



Tuyên truyền pháp luật cho người dân

tâm chỉ đạo của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện; sự chỉ đạo về chuyên môn của Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên; sự phối hợp của các cấp, các ngành trong toàn huyện đối với công tác tư pháp và sự đoàn kết, không ngừng phấn đấu, đổi mới, sáng tạo, từng bước trưởng thành và ngày càng khẳng định rõ nét vai trò, vị thế của mình trong đời sống chính trị - xã hội của huyện nhà. Đến nay, sau 4 năm đi vào hoạt động, có thể nói Tư pháp Nậm Pồ đã gặt hái được những thành công nhất định. Trong công tác luôn thực hiện đúng nguyên tắc nhưng không cứng nhắc; kỷ cương, kỷ luật làm việc nền nếp, ý thức trách nhiệm của từng cán bộ công chức từ huyện đến xã được nâng cao.

Năm 2013, trong điều kiện khó khăn chung của cả huyện, trên cơ sở Kế hoạch công tác tư pháp của hai huyện Mường Nhé, Mường Chà, phòng Tư pháp Nậm Pồ đã tích cực tham mưu, đảm bảo cơ bản đáp ứng được các nhiệm vụ đặc thù của ngành trong những buổi đầu sơ khai. Từ đó đến nay, phòng Tư pháp đã không ngừng đổi mới trong chỉ đạo, điều hành từ ý thức trách nhiệm đến chuyên môn nhằm đáp ứng yêu cầu ngày

càng cao đối với ngành Tư pháp. Với phương châm "Nguyên tắc, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm", cán bộ, công chức tư pháp "chỉ có tiến, không có lùi", "chỉ phát triển, không giảm biên"; hiện nay đội ngũ tư pháp cấp huyện,

cấp xã đều được tham gia là đại biểu HĐND huyện và xã chiếm tỷ lệ tương đối cao, trong đó có 02 đ/c là đại biểu HĐND huyện, 02 đ/c được bổ nhiệm là Phó Chủ tịch HĐND xã, có một số đ/c giữ vai trò là phó Ban, thành viên của các Ban HĐND huyện, HĐND xã.

Hàng năm bám sát các chương trình, kế hoạch công tác của Sở Tư pháp và tỉnh Điện Biên, phòng Tư pháp đã tham mưu xây dựng và triển khai toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm các nhiệm vụ được giao, gặt hái nhiều thành tựu trên các mặt công tác. Nổi bật nhất là thể chế các lĩnh vực công tác của Ngành Tư pháp tiếp tục được hoàn thiện, tạo cơ sở pháp lý quan trọng để các cơ quan, phòng, ban, ngành, đoàn thể, địa phương phối hợp, triển khai tốt các nhiệm vụ, mục tiêu công tác tư pháp trên địa bàn huyện. Công tác xây dựng, thẩm định, góp ý văn bản có những chuyển biến tích cực, đặc biệt là bước đầu đã triển khai thi hành kịp thời, thống nhất, đồng bộ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, của

tỉnh, của huyện được ban hành đều có ý kiến góp ý, thẩm định có hiệu quả của phòng Tư pháp, làm cơ sở cho sự chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của hệ thống văn bản pháp luật, đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu lực quản lý, điều hành của chính quyền địa phương bằng pháp luật. Hoạt động kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật cũng được thực hiện thường xuyên, kịp thời phát hiện, xử lý văn bản không phù hợp quy định của pháp luật. Đi đôi với xây dựng thể chế, biên chế cũng được củng cố và đang dần hoàn thiện hơn để đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao trong tình hình mới. Hiện nay Phòng Tư pháp có 02 biên chế; các xã bố trí đủ 02 biên chế/01 xã (có 28 biên chế/15 xã, đang thiếu 02 biên chế do mới chuyển vị trí công tác). Phòng đã tăng cường tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ công tác cho đội ngũ công chức tư pháp thông qua hình thức trung tập về bồi dưỡng tại phòng 03 tháng/01 công chức (đến nay đã có 18 lượt công chức được bồi dưỡng ngắn hạn tại phòng).

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, nội dung phù hợp, mở rộng đến nhiều đối tượng. Điểm nhấn quan trọng trong năm 2016 là thực hiện tốt đợt cao điểm tuyên truyền, phổ biến Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; tổ chức thành công Hội thi “Hòa giải viên giỏi ở cơ sở”.

Bên cạnh đó, phòng Tư pháp còn tiếp tục đẩy mạnh thực hiện công tác hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, nuôi con nuôi; triển khai thi hành Luật Hộ tịch bước đầu đạt hiệu quả, phục vụ kịp thời

nhu cầu của người dân. Năm 2013 đã tham mưu cho UBND huyện việc rà soát, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc về giấy tờ nhân thân cho nhân dân trên địa bàn, đến nay mọi người dân đã dần dần ý thức được tầm quan trọng về giấy tờ nhân thân, chủ động đăng ký các sự kiện hộ tịch theo quy định, đặc biệt là đăng ký khai sinh, khai tử, kết hôn tăng dần theo từng năm (Năm 2013 đăng ký khai sinh là 3.285 trường hợp, năm 2016 là 3.809 trường hợp, 5 tháng đầu năm 2017 là 1.703 trường hợp; năm 2013 đăng ký khai tử là 75 trường hợp, năm 2016 là 118 trường hợp, 5 tháng đầu năm 2017 là 66 trường hợp; năm 2013 đăng ký kết hôn là 171 cặp, năm 2016 là 812 cặp, 5 tháng đầu năm 2017 là 412 cặp).

Một số lĩnh vực công tác tuy khá mới nhưng rất phức tạp, nặng nề của Ngành Tư pháp đó là kiểm soát thủ tục hành chính, quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính, theo dõi thi hành pháp luật đều được phòng Tư pháp chủ động tìm tòi, nghiên cứu, tập trung cao độ trí và lực triển khai thực hiện đồng bộ, sâu rộng, nhằm đạt được kết quả cao nhất. Từ các hoạt động xây dựng và thực thi pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đến các hoạt động chuyên môn có tính tác nghiệp, cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp như đăng ký hộ tịch, công chứng, chứng thực..., công tác tư pháp ngày càng gắn kết, thấm sâu hơn vào đời sống của người dân, đáp ứng nhu cầu bảo vệ quyền và lợi ích của các tổ chức, cá nhân, phục vụ trực tiếp sự phát triển kinh tế - xã hội, ổn định an ninh chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

Ngoài việc triển khai nhiệm vụ chuyên môn, phòng Tư pháp còn luôn quan tâm đến tâm tư nguyện vọng, nhu cầu học tập, giao lưu học hỏi của đội ngũ cán bộ công chức tư pháp. Trong thời gian qua, phòng đã tổ chức giao ban quý theo cụm gắn với việc tổ chức cho cán bộ, công chức đi tham quan, giao lưu học tập kinh nghiệm tại huyện Nậm Nhùn, thăm quan nhà máy thủy điện Lai Châu; tại Mường Nhé, thăm cửa khẩu A Pa Chải; tham dự lễ hội đua thuyền tại Thị xã Mường Lay; phối hợp tổ chức trung thu cho trẻ em nghèo trên địa bàn huyện; thăm hỏi, đóng góp một số quỹ từ thiện của nhóm Nụ cười trẻ thơ, nhóm Cơm thiện tâm; ủng hộ và hỗ trợ cho một số hộ tại 03 xã Na Cô Sa, Nà Búng, Vàng Đán bị thiên tai lũ lụt năm 2014. Quan tâm cho ý kiến và tạo mọi điều kiện để các công chức tư pháp cấp huyện và xã theo các khóa học chuyên môn, lý luận chính trị. Những thành quả của phòng Tư pháp huyện Nậm Pồ đạt được trong thời gian qua cũng đã được các cấp, các ngành, Huyện ủy và UBND huyện kịp thời ghi nhận, biểu dương sự đóng góp tích cực của tư pháp thông qua các hình thức khen thưởng như: từ năm 2013 đến năm 2016 Sở Tư pháp đã tặng 04 giấy khen cho tập thể phòng Tư pháp huyện, 11 giấy khen cho các đồng chí cán bộ, công chức tư pháp cấp huyện, cấp xã; Công an tỉnh tặng 01 giấy khen cho tập thể phòng Tư pháp; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Điện Biên tặng 01 giấy khen cho tập thể; UBND huyện Nậm Pồ tặng 05 giấy khen cho tập thể phòng Tư pháp huyện và 27 giấy khen cho các cán bộ, công chức tư pháp cấp huyện, cấp xã; UBND huyện công nhận

01 đồng chí đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở.

Trước yêu cầu đổi mới của đất nước cũng như của tỉnh, của huyện, phòng Tư pháp đã, đang và sẽ không ngừng đổi mới từ lề lối làm việc, phương thức quản lý, điều hành, đến phương pháp xử lý công việc, tác phong làm việc của từng cán bộ, công chức để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao. Luôn tranh thủ, nắm bắt sự quan tâm, chỉ đạo của Sở Tư pháp, huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện đối với công tác tư pháp và kịp thời, nhạy bén trong đề xuất, tham mưu, sáng kiến về mặt chính sách pháp luật, cũng như giải pháp thực hiện để làm đổi thay diện mạo, nâng tầm công tác tư pháp và tiếp tục đóng góp tích cực, quan trọng, hiệu quả đối với công cuộc xây dựng, bảo vệ và phát triển của huyện nhà. Tin tưởng rằng, phòng Tư pháp ngày càng tăng cường vị thế trong đời sống chính trị, kinh tế, xã hội của huyện, luôn luôn là cơ quan “gác cửa” pháp lý hiệu quả nhất cho UBND huyện trong thời gian tới.

Để góp phần thực hiện thắng lợi các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2017 của huyện; phát huy những kết quả đã đạt được trong những năm qua, phòng Tư pháp tiếp tục thực hiện tốt 10 nhiệm vụ trọng tâm và 07 giải pháp cụ thể được ban hành tại Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày 07/02/2017 của UBND Nậm Pồ về Chương trình công tác tư pháp năm 2017.

Bài & ảnh: Phạm Thị Ngân

*Trưởng phòng Tư pháp
huyện Nậm Pồ*

Quy định mới về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị

Ngày 28 tháng 4 năm 2017, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 40/2017/TT-BTC Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị (sau đây gọi là Thông tư số 40).

Theo đó, Thông tư số 40 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ (sau đây gọi là cơ quan, đơn vị).

Về tiền chi phí đi lại, Thông tư số 40 quy định 2 hình thức thanh toán là thanh toán theo hóa đơn thực tế và thanh toán khoán kinh phí sử dụng ô tô khi đi công tác, khoán tiền tự túc phương tiện đi công tác. Đối với thanh toán theo hình thức khoán, Thông tư nêu rõ:

- Đối với các chức danh lãnh đạo có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô khi đi công tác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tự nguyện đăng ký thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô khi đi công tác: Mức thanh toán khoán kinh phí sử dụng xe ô tô khi đi công tác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 159/2015/TT-BTC ngày 15/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều của Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định

mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

- Đối với cán bộ, công chức, viên chức không có tiêu chuẩn được bố trí xe ô tô khi đi công tác, nhưng nếu đi công tác cách trụ sở cơ quan từ 10 km trở lên (đối với các xã thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ) và từ 15 km trở lên (đối với các xã còn lại) mà tự túc bằng phương tiện cá nhân của mình thì được thanh toán khoán tiền tự túc phương tiện bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm đi công tác và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Về mức phụ cấp lưu trú, Thông tư số 40 quy định mức phụ cấp lưu trú để trả cho người đi công tác là 200.000 đồng/ngày.

- Trường hợp đi công tác trong ngày (đi và về trong ngày) thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định mức phụ cấp lưu trú theo các tiêu chí: Căn cứ theo số giờ thực tế đi công tác trong ngày, theo thời gian phải làm ngoài giờ hành chính (bao gồm cả thời gian đi trên đường), quãng đường đi công tác

và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.

- Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ở đất liền được cử đi công tác làm nhiệm vụ trên biển, đảo thì được hưởng mức phụ cấp lưu trú: 250.000 đồng/người/ngày thực tế đi biển, đảo (áp dụng cho cả những ngày làm việc trên biển, đảo, những ngày đi, về trên biển, đảo). Trường hợp một số ngành đặc thù đã được cấp có thẩm quyền quy định về chế độ chi bồi dưỡng khi đi công tác trên biển, đảo thì được chọn chế độ quy định cao nhất (phụ cấp lưu trú hoặc chi bồi dưỡng) để chi trả cho người đi công tác.

Về tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác, Thông tư số 40 cũng quy định thanh toán theo 02 hình thức là khoán và theo hóa đơn thực tế.

Đối với thanh toán theo hình thức khoán, Thông tư số 40 quy định:

- Lãnh đạo cấp Bộ trưởng, Thứ trưởng và các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 trở lên, mức khoán là 1.000.000 đồng/ngày/người, không phân biệt nơi đến công tác.

- Đối với các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại: Đi công tác ở quận, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh thì mức khoán là 450.000 đồng/ngày/người; Đi công tác tại huyện, thị xã thuộc thành phố trực thuộc trung ương, tại thị xã, thành phố còn lại thuộc tỉnh, mức khoán là

350.000 đồng/ngày/người; Đi công tác tại các vùng còn lại, mức khoán là 300.000 đồng/ngày/người.

Trong trường hợp người đi công tác không nhận thanh toán theo hình thức khoán thì được thanh toán theo giá thuê phòng thực tế (có hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật) do thủ trưởng cơ quan, đơn vị duyệt theo tiêu chuẩn thuê phòng như sau:

- Đối với Lãnh đạo cấp Bộ trưởng và các chức danh tương đương thì được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ là 2.500.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/1 phòng, không phân biệt nơi đến công tác;

- Đi công tác tại các quận, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh:

Đối với Thứ trưởng và các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 đến 1,3 thì được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ là 1.200.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/1 phòng;

Đối với các đối tượng còn lại thì được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ là 1.000.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 2 người/phòng.

- Đi công tác tại các vùng còn lại:

Đối với Thứ trưởng và các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 đến 1,3 thì được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ là 1.100.000

đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/1 phòng;

Đối với các đối tượng còn lại thì được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ là 700.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 2 người/phòng.

Về khoản tiền công tác phí theo tháng, Thông tư số 40 quy định:

Đối với cán bộ cấp xã thường xuyên phải đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng; cán bộ thuộc các cơ quan, đơn vị còn lại phải thường xuyên đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng (như: Văn thư; kế toán giao dịch; cán bộ kiểm lâm đi kiểm tra rừng; cán bộ các cơ quan tổ tụng đi điều tra, kiểm sát, xác minh, tổng đạt và các nhiệm vụ phải thường xuyên đi công tác lưu động khác); thì tùy theo đối tượng, đặc điểm công tác và khả năng kinh phí, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quy định mức khoản tiền công tác phí theo tháng cho người đi công tác lưu động để hỗ trợ tiền gửi xe, xăng xe theo mức 500.000 đồng/người/tháng và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Bên cạnh đó, Thông tư số 40 cũng quy định cụ thể về mức chi tổ chức hội nghị như sau:

- Chi thù lao cho giảng viên, chi bồi dưỡng báo cáo viên; người có báo cáo tham luận trình bày tại hội nghị: Thực hiện theo mức chi thù lao quy định đối với giảng viên, báo cáo viên tại Thông tư số 139/2010/TT-

BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

- Chi giải khát giữa giờ: 20.000 đồng/1 buổi (nửa ngày)/đại biểu.

- Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp theo mức khoán như sau:

Đối với cuộc họp tổ chức tại địa điểm nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương là 200.000 đồng/ngày/người;

Đối với cuộc họp tổ chức tại địa điểm nội thành, nội thị của thành phố trực thuộc tỉnh; tại các huyện, thị xã thuộc tỉnh là 150.000 đồng/ngày/người; Riêng đối với cuộc họp do xã, phường, thị trấn tổ chức (không phân biệt địa điểm tổ chức) là 100.000 đồng/ngày/người.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2017, bãi bỏ Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập./.

Đỗ Thị Ngọc Hương
Phòng Xây dựng và
Kiểm tra VBQPPL

Chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong phát triển nuôi trồng, khai thác dược liệu

Ngày 19/05/2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 65/2017/NĐ-CP chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong phát triển nuôi trồng, khai thác dược liệu.



Nguồn: nongnghiep.vn

Nghị định này quy định một số chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong phát triển nuôi trồng, khai thác dược liệu có nguồn gốc thực vật, động vật; áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nuôi trồng, khai thác dược liệu trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Cụ thể một số chính sách đặc thù như sau:

Ưu tiên công nhận giống dược liệu: Giống dược liệu địa phương được xem xét bổ sung vào Danh mục giống dược liệu được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam không phải thực hiện khảo nghiệm và công

nhận giống mới theo quy định tại Pháp lệnh giống cây trồng 2004, Pháp lệnh giống vật nuôi 2004 và các văn bản hướng dẫn. Giống dược liệu mới do các tổ chức, cá nhân nghiên cứu chọn tạo: Đối với giống cây trồng được xem xét công nhận đặc cách theo quy định tại Pháp lệnh giống cây trồng 2004 và các văn bản hướng dẫn; đối với giống vật nuôi được công nhận giống mới theo quy định tại Pháp lệnh giống vật nuôi 2004 và các văn bản hướng dẫn.

Hỗ trợ sản xuất giống dược liệu: Hỗ trợ 01 lần 50% tổng mức

đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng (cải tạo đồng ruộng, thủy lợi, giao thông nội đồng, nhà lưới, nhà kính, chuồng trại, kho bảo quản, xử lý môi trường) cho các cơ sở nhân giống tập trung có quy mô từ 02 ha trở lên đối với cây dược liệu, 0,5 ha trở lên đối với vật nuôi làm dược liệu, tối đa không quá 02 tỷ đồng/01 cơ sở. Đối với cơ sở sản xuất giống dược liệu ứng dụng công nghệ cao theo tiêu chí do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, mức hỗ trợ tối đa không quá 03 tỷ đồng/01 cơ sở. Hỗ trợ 01 lần 60% chi phí sản xuất giống gốc, 30% chi phí sản

xuất giống thương phẩm theo định mức kinh tế kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành. Trường hợp ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, mức hỗ trợ tương ứng là 80% và 50%. Hỗ trợ 100% chi phí tập huấn kỹ thuật cho người trực tiếp sản xuất giống theo nội dung và định mức chi quy định tại Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về khuyến nông và các văn bản hướng dẫn.

Hỗ trợ áp dụng công nghệ nuôi trồng và khai thác dược liệu tuân thủ Thực hành nuôi trồng, khai thác dược liệu tốt: Xây dựng mô hình áp dụng công nghệ nuôi trồng và khai thác dược liệu tuân thủ Thực hành nuôi trồng, khai thác dược liệu tốt: Hỗ trợ 100% chi phí giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật đối với mô hình trồng trọt; 100% chi phí giống, thức ăn, thuốc thú y đối với mô hình chăn nuôi, theo định mức kinh tế kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành. Hỗ trợ 01 lần 100% chi phí cấp chứng nhận nuôi trồng và khai thác dược liệu tuân thủ Thực hành nuôi trồng, khai thác dược liệu tốt. Hỗ trợ 100% chi phí tập huấn kỹ thuật cho người trực tiếp nuôi trồng và khai thác theo nội dung và định mức chi quy định tại Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về khuyến nông và các văn bản hướng dẫn.

Hỗ trợ nuôi trồng dược liệu tập trung: Hỗ trợ 01 lần 15 triệu đồng/01 ha để xây dựng cơ sở hạ tầng và mua giống dược liệu cho dự án trồng cây dược liệu tập trung có quy mô từ 05 ha trở lên hoặc cho dự án chăn nuôi tập trung có quy mô từ 02 ha trở lên.

Chính sách ưu đãi về đất đai: Tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư nghiên cứu, nhân giống, nuôi trồng dược liệu được hưởng các chính sách ưu đãi về đất đai như sau: Trường hợp

được Nhà nước cho thuê đất, thuê mặt nước để nuôi trồng, xây dựng nhà xưởng, kho chứa dược liệu thì được miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của pháp luật đất đai. Trường hợp diện tích đất thuê thuộc nhiều địa bàn, khu vực, vị trí có giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất khác nhau thì giá đất tính tiền thuê đất được xác định theo mức giá bình quân gia quyền cho toàn bộ diện tích thuê. Hỗ trợ tích tụ, tập trung đất đai: Trường hợp thuê lại đất, thuê mặt nước của hộ gia đình, cá nhân thì được Nhà nước hỗ trợ tối đa 40% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho 5 năm đầu kể từ khi dự án đi vào hoạt động; mức hỗ trợ được tính theo đơn giá thuê đất quy định tại khoản 1 Điều 8 của Nghị định này. Trường hợp nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân được miễn, giảm lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Điều kiện được hỗ trợ đầu tư: Các dự

án được hưởng chính sách đặc thù quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 của Nghị định này phải đáp ứng các điều kiện sau: Giống được liệu phải nằm trong danh mục giống được liệu được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam hoặc được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận giống mới. Dự án do tổ chức ngoài công lập và cá nhân đầu tư nuôi trồng được liệu tập trung có quy mô từ 05 ha trở lên hoặc dự án chăn nuôi có quy mô từ 02 ha trở lên phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận đầu tư. Các trường hợp còn lại phải có dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Vùng nuôi trồng được liệu phải nằm trong quy hoạch, kế hoạch phát triển đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận nếu chưa có quy hoạch, kế hoạch được duyệt. Chủ đầu tư phải có cam kết đầu tư vốn đối ứng để

thực hiện các hạng mục trong dự án được duyệt (ngoài phần hỗ trợ của ngân sách nhà nước). Trường hợp vay vốn ngân hàng để góp vốn thực hiện dự án phải có hợp đồng vay vốn hoặc văn bản chứng minh.

UBND cấp tỉnh có trách nhiệm: Lập hồ sơ, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định bổ sung các giống được liệu địa phương vào danh mục giống được liệu được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam. Xây dựng, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch vùng sản xuất giống, vùng nuôi trồng được liệu tập trung. Cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương để đảm bảo thực hiện hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị định này. Phê duyệt các nhiệm vụ khoa học, dự án đầu tư từ ngân sách địa phương. Trình HĐND cấp tỉnh quyết định mức lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ thể theo quy định tại điểm b

khoản 2 điều 8 của Nghị định này.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 05/07/2017 và thay thế nội dung hỗ trợ cây trồng được liệu quy định tại Điều 12 Nghị định số 210/2013/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Doanh nghiệp có dự án trồng cây được liệu được phê duyệt và đáp ứng các điều kiện hỗ trợ quy định tại Nghị định này nếu chưa nhận hỗ trợ theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 thì được hưởng hỗ trợ theo quy định tại Nghị định này. Trường hợp đã và đang thực hiện hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 210/2013/NĐ-CP thì tiếp tục hưởng hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013.

Trung Dũng

Bàn về quy định lập danh mục văn bản quy định chi tiết Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Lệnh, Quyết định của Chủ tịch nước theo Luật Ban hành văn bản QPPL 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP

Việc lập danh mục văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước được quy định tại Điều 82, 83 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sau đây gọi là Luật năm 2015) và Điều 28 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi là Nghị định số 34). Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trách nhiệm lập danh mục văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước được quy định cụ thể tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 34.

“Điều 28. Trách nhiệm đề xuất và lập danh mục văn bản quy định chi tiết

3. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan lập và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định trình Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định danh mục nghị quyết của Hội

đồng nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước;

b) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan lập và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh danh mục quyết định của Ủy ban nhân dân quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.”

Theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 34, Bộ Tư pháp có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về danh mục các nội dung luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước giao cho địa phương quy định chi tiết. Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với Văn phòng HĐND cấp tỉnh; Văn phòng UBND cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện việc lập và trình danh mục văn bản quy định chi tiết theo khoản 3 Điều 28 Nghị định số 34.

Tuy nhiên, từ trước đến nay, các nội dung mà luật, nghị quyết của Quốc

hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước giao cho địa phương quy định chi tiết thường rất ít, chủ yếu trách nhiệm quy định chi tiết của các địa phương được quy định tại các Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư của các Bộ, ngành. Do đó, nếu chỉ quy định việc lập danh mục văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước thì sẽ không bao quát đầy đủ trách nhiệm cũng như nhu cầu ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND cấp tỉnh. Bởi lẽ, ngoài trách nhiệm ban hành văn bản QPPL để quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, HĐND, UBND cấp tỉnh còn ban hành văn bản QPPL để quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên khác như Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư của các Bộ, ngành. Ngoài ra, HĐND cấp

tỉnh ban hành nghị quyết để quy định chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên; Biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương Biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; (Điều 27 Luật năm 2015); UBND cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định: Biện pháp thi hành Hiến pháp, luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND cùng cấp về phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; Biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương (Điều 28 Luật năm 2015).

So sánh với quy định tại Điều 21¹ Luật Ban hành văn bản QPPL của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004 (sau đây gọi là Luật năm 2004) về Lập, thông qua và điều chỉnh chương trình xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Điều 35² Luật năm 2004 về lập, thông qua và điều chỉnh

¹ **Điều 21.** Lập, thông qua và điều chỉnh chương trình xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

1. Chương trình xây dựng nghị quyết hằng năm của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được xây dựng căn cứ vào đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, yêu cầu quản lý nhà nước ở địa phương, bảo đảm thực hiện các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, bảo đảm các quyền và nghĩa vụ của công dân ở địa phương.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân lập dự kiến chương trình xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân quyết định tại kỳ họp cuối năm.

3. Trong trường hợp cần điều chỉnh chương trình xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân thì Thường trực Hội đồng nhân dân phối hợp với Ủy ban nhân dân điều chỉnh và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tổ chức thực hiện chương trình xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân và phân công Ban của Hội đồng nhân dân thẩm tra dự thảo nghị quyết.

Chương trình xây dựng quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì quy định này của Luật năm 2015 và Nghị định số 34 không mang tính toàn diện, tổng thể như Luật năm 2004. Bởi theo Luật 2004, Chương trình xây dựng nghị quyết hằng năm của HĐND cấp tỉnh được xây dựng căn cứ vào đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, yêu cầu quản lý nhà nước ở địa phương, bảo đảm thực hiện các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, bảo đảm các quyền và nghĩa vụ của công dân ở địa phương; Chương trình xây dựng quyết định, chỉ thị hằng năm của UBND cấp tỉnh được xây dựng căn cứ vào đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, yêu cầu quản lý nhà nước ở địa phương, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND cùng cấp. Trường hợp cần thiết, các chương trình này đều có thể được điều chỉnh để bảo đảm phù hợp với văn bản của cấp trên và yêu cầu thực tiễn về quản lý nhà nước ở địa phương.

Căn cứ theo Luật năm 2015 và Nghị định số 34 thì hàng năm HĐND, UBND cấp tỉnh không phải ban hành

Chương trình xây dựng Nghị quyết và Chương trình xây dựng Quyết định, mà ban hành danh mục văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước. Như vậy sẽ rất khó khăn trong công tác chỉ đạo, điều hành nói chung, cũng như việc đôn đốc, theo dõi tiến độ thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn bản QPPL hàng năm của các cơ quan tham mưu.

Mặt khác, một vấn đề cần quan tâm đó là hiện nay, việc xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL là một trong những tiêu chí để xác định chỉ số cải cách hành chính của cấp tỉnh. Từ năm 2017, nếu các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương không ban hành Chương trình xây dựng văn bản QPPL chung mà chỉ ban hành danh mục văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước thì liệu có đánh giá được một cách bao quát, toàn diện công tác xây dựng văn bản QPPL của cấp tỉnh và từ đó xác định

² **Điều 35.** Lập, thông qua và điều chỉnh chương trình xây dựng quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Chương trình xây dựng quyết định, chỉ thị hằng năm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được xây dựng căn cứ vào đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, yêu cầu quản lý nhà nước ở địa phương, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Văn phòng Ủy ban nhân dân chủ trì, phối hợp với cơ quan tư pháp lập dự kiến chương trình xây dựng quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân để trình Ủy ban nhân dân quyết định tại phiên họp tháng một hằng năm của Ủy ban nhân dân.

2. Chương trình xây dựng quyết định, chỉ thị phải xác định tên văn bản, thời điểm ban hành, cơ quan soạn thảo văn bản.

3. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân quyết định điều chỉnh chương trình xây dựng quyết định, chỉ thị.

chính xác chỉ số cải cách hành chính của mỗi địa phương?

Thực tế sau gần một năm kể từ ngày Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 có hiệu lực thi hành, các địa phương đã gặp khá nhiều khó khăn, lúng túng trong việc triển khai thi hành nội dung này. Về phía Bộ Tư pháp cũng chưa thực hiện đầy đủ, kịp thời trách nhiệm theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 28 Nghị định số 34 đó là thông báo bằng văn bản cho HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về danh mục các nội dung giao cho địa phương quy định chi tiết quy định tại điểm b khoản 1 Điều 28, cũng chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể nên hầu hết các địa phương chưa ban hành danh mục văn bản quy định chi tiết các nội dung được giao theo

khoản 3 Điều 28 Nghị định số 34. Bên cạnh đó, một số địa phương vẫn ban hành Chương trình xây dựng văn bản QPPL như quy định tại Điều 21 và Điều 35 của Luật năm 2004.

Do vậy, trong thời gian tới, kiến nghị Bộ Tư pháp tiến hành khảo sát và đánh giá việc thực hiện quy định về lập danh mục văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước tại các địa phương, để tham mưu cho Chính phủ sửa đổi Nghị định và đề xuất Quốc hội sửa đổi Luật cho phù hợp./.

Đỗ Thị Ngọc Hương

Phòng XD & KT VBQPPL

XÁC MINH ĐIỀU KIỆN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Công tác xác minh trong thi hành án dân sự là hoạt động không thể thiếu trong các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của chấp hành viên, thư ký thi hành án. Mục đích của xác minh là giải quyết hồ sơ thi hành án cho đúng pháp luật bảo đảm quyền, nghĩa vụ của các bên thi hành án. Ở mỗi hồ sơ cụ thể cần những tác nghiệp khác nhau, cách thức tổ chức cũng khác nhau vì vậy công tác xác minh cũng khác nhau. Tuy nhiên, ở bất cứ hồ sơ nào mục đích xác minh cũng phục vụ cho việc giải quyết hồ sơ phù hợp với các quy định pháp luật. Có thể nói một cách khác đây chính là sự định hướng trong công tác xác minh.

Mục đích xác minh trong công tác thi hành án nói chung là xác minh điều kiện thi hành án của đương sự, người được thi hành án, người phải thi hành án, những người có quyền, nghĩa vụ liên quan.



mỗi lần xác minh nên kết quả xác minh chông chéo, thậm chí trái ngược nhau, toàn bộ hồ sơ không có sự định hướng rõ ràng, do vậy khi áp dụng các biện pháp, chấp hành viên trở nên lúng túng.

Xác minh là “Làm cho rõ sự thật qua thực tế và chứng cứ cụ thể”. Chấp hành viên và thư ký phải trực tiếp xác minh làm rõ và cụ thể về điều kiện thi hành án của đương sự (có điều kiện hay chưa có điều kiện). Có hoặc không có điều kiện thi hành án thể hiện các thông tin về tài sản hoặc quyền về tài sản mà cụ thể là thu nhập, tài sản là động sản hoặc bất động sản, sổ dư trong tài khoản.

Việc xác minh phải được tiến hành kịp thời, chính xác và đầy đủ. Tính kịp thời ở đây thể hiện đúng lúc, không chậm trễ của việc xác minh. Khi có được thông tin về tài sản, chấp hành viên, thư ký thi hành án phải kịp thời xác minh, có như vậy mới ngăn chặn kịp thời những hành vi tẩu tán tài sản của đương sự, nhất là tài khoản hoặc động sản.

Tính chính xác và đầy đủ là một yêu cầu của một biên bản xác minh và quá trình tác nghiệp của một hồ sơ. Sự chính xác và đầy đủ ở đây không phải là số lượng, trọng lượng... mà chính là hàm lượng thông tin được thể hiện

Xác minh thi hành án để trả lời câu hỏi: Hồ sơ này có điều kiện hay không có điều kiện? có điều kiện là những điều kiện nào, khi áp dụng các biện pháp thi hành án sẽ phù hợp với các quy phạm pháp luật nào được ghi nhận trong luật thi hành án dân sự? Nếu không có điều kiện thi hành án thì chấp hành viên sẽ áp dụng các trình tự thủ tục thi hành án (Đình chỉ, Tạm đình chỉ, Hoãn thi hành án, Ủy thác thi hành án, ra Quyết định chưa có điều kiện thi hành án) đúng quy định của pháp luật.

Mục đích xác minh của mỗi hồ sơ thi hành án được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, chấp hành viên phải luôn đặt câu hỏi: lần này hồ sơ phải xác minh cái gì? làm rõ gì? Có như vậy toàn bộ hồ sơ mới có sự định hướng rõ ràng, khoa học tạo niềm tin cho chấp hành viên đưa ra các biện pháp để giải quyết hồ sơ đúng pháp luật.

Trên thực tế, có những hồ sơ, chấp hành viên hoặc thư ký thi hành án chưa xác định được nhiệm vụ của

bằng ngôn ngữ pháp luật qua kết quả xác minh. Thông qua các thông tin chính xác và đầy đủ giúp ít rất nhiều cho chấp hành viên khi áp dụng các biện pháp thi hành án (thỏa thuận, tự nguyện hay cưỡng chế). Đặc biệt, tính chính xác của kết quả xác minh giúp chấp hành viên trong việc xây dựng kế hoạch cưỡng chế chính xác tình hình, dự liệu các tình huống có thể xảy ra trong khi cưỡng chế gắn với thực tiễn, từ đó chấp hành viên có thể chủ động trước các tình huống có thể xảy ra.

Mỗi biên bản xác minh rất cần sự chính xác và đầy đủ cả hình thức (mẫu xác minh, chữ ký, dấu), có những vụ việc chỉ cần một biên bản xác minh là giải quyết được hồ sơ, nhưng cũng có hồ sơ phải có rất nhiều biên bản xác minh mới giúp chấp hành viên có đủ cơ sở để giải quyết hồ sơ đúng quy định của pháp luật. Tính chính xác và đầy đủ của công tác xác minh đòi hỏi chấp hành viên phải luôn trăn trở để tìm ra những câu trả lời một cách xác đáng đối với những vụ việc cụ thể.

Thực tế hiện nay không ít kết quả xác minh rất thiếu chính xác và không đầy đủ. Nội dung: Đương sự đi tù, không có tài sản; hoặc đương sự bán nhà đi đâu không biết. Các biên bản này vừa thiếu chính xác, không đầy đủ nên khi áp dụng các quy phạm pháp luật để giải quyết hồ sơ không biết phải áp dụng như thế nào bởi khi áp dụng các quy phạm pháp luật đều không có căn cứ.

Công tác xác minh có một vị trí, vai trò hết sức quan trọng trong các giai đoạn của quá trình thi hành án:

Công tác xác minh thường được tiến hành thường xuyên liên tục, đồng thời với các hoạt động tác nghiệp khác. Mặt khác, công tác xác minh chiếm tỉ lệ về thời gian tương đối nhiều (trung bình một hồ sơ thi hành án khoảng 1/3 thời gian).

Kết quả xác minh là điều kiện để chấp hành viên áp dụng các biện pháp trong thi hành án (để các đương sự thỏa thuận, hay đương sự tự nguyện thi hành án hoặc cần áp dụng các biện pháp cưỡng chế).

Kết quả xác minh là căn cứ để chấp hành viên xác định các công việc tiếp theo cần phải làm gì? cần áp dụng các trình tự thủ tục về thi hành án nào? (Đình chỉ, Tạm đình chỉ, Ủy thác thi hành án, ra quyết định chưa có điều kiện thi hành án) để giải quyết hồ sơ đúng pháp luật.

Kết quả xác minh cũng thể hiện một phần trình độ, năng lực chuyên môn của chấp hành viên hoặc thư ký thi hành án. Kết quả xác minh thể hiện quá trình tư duy, lựa chọn và xác định mục tiêu cần phải đạt được của một hồ sơ, việc thực hiện kế hoạch; kết quả xác minh phải phù hợp các biện pháp mà chấp hành viên áp dụng./.

CHV: NGUYỄN NAM VĨNH
Chi cục THADS huyện Điện Biên

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM MUA BÁN NGƯỜI TẠI TỈNH ĐIỆN BIÊN

Cũng như các tỉnh miền núi phía bắc, tây bắc của Tổ quốc, Điện Biên không ngoại lệ bởi tình trạng mua bán người diễn ra khá phức tạp trong thời gian vừa qua. Tại tỉnh Điện Biên tội phạm mua bán người tiếp tục có những diễn biến phức tạp, đối tượng phạm tội hoạt động mạnh, phần lớn nạn nhân bị lừa bán là bán sang Trung Quốc. Phương thức thủ đoạn của đối tượng chủ yếu là lừa gạt nạn nhân dưới danh nghĩa giúp họ tìm việc làm, rủ đi làm ăn buôn bán, du lịch hoặc tìm mọi cách tạo mối quan hệ thân thiện, giả vờ yêu đương để lừa nạn nhân đi cùng về ra mắt bố mẹ, đi du lịch, sau đó các đối tượng đưa nạn nhân lên biên giới Việt - Trung thuộc địa bàn các tỉnh: Lào Cai, Hà Giang, Lạng Sơn... để bán cho những đối tượng bên kia biên giới kiếm lời bất chính. Một thực trạng khác là các đối tượng môi giới, lôi kéo và đưa người xuất cảnh trái pháp luật hoặc tự ý sang Trung Quốc bằng con đường tiểu ngạch để lao động làm thuê có xu hướng gia tăng. Ba năm trở lại đây các lực lượng chức năng tỉnh Điện Biên đã phát hiện 1.290 trường hợp xuất cảnh trái pháp luật sang Trung Quốc, đây cũng là một trong những điều kiện dễ bị các đối tượng lợi dụng thực hiện hành vi phạm tội mua bán người. Để phòng, chống tội phạm mua bán người hiệu quả, lực lượng Công an tỉnh Điện Biên đã tổ chức hàng ngàn buổi tuyên truyền, phổ biến pháp luật phòng,

chống tội phạm mua bán người tại các địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự, thu hút gần 50.000 lượt người tham gia; tổ chức hàng chục lớp tập huấn tại các xã trọng điểm về mua bán người của huyện Nậm Pồ, Mường Chà, Điện Biên Đông, Mường Ảng, Tuần Giáo, Tủa Chùa... cho hơn 500 cán bộ các ban ngành, đoàn thể cấp xã; tiếp tục duy trì và sử dụng có hiệu quả 28 hòm thư tố giác tội phạm để nắm bắt thông tin, giải quyết vụ việc liên quan đến tội phạm mua bán người và các loại tội phạm hình sự khác ngay tại cơ sở. Sở Lao động Thương binh và xã hội, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Bộ đội Biên phòng tỉnh, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp đã tổ chức hàng trăm buổi tuyên truyền với gần hai mươi nghìn lượt người tham gia; phát hơn mười nghìn tờ rơi, duy trì ổn định hoạt động của 118 Câu lạc bộ pháp luật; trong đó 92 Câu lạc bộ Trợ giúp pháp lý, 14 Câu lạc bộ “Phụ nữ với pháp luật”, 12 Câu lạc bộ pháp luật cho các đối tượng khác là nông dân, thanh niên; Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh đã phát sóng bằng tiếng phổ thông và tiếng dân tộc Mông, Thái trên cả hai hệ phát thanh và truyền hình được trên 200 tin, bài có liên quan đến công tác phòng, chống tội phạm mua bán người trên địa bàn. Đồng thời, tăng lượng tin, bài về phòng, chống mua bán người trên các trang thông tin điện tử, trong chuyên mục An ninh Điện Biên (Công an tỉnh), Vì chủ quyền biên giới (Bộ

chỉ huy Biên phòng tỉnh), mục Nhà nước và pháp luật, bản tin Sở Tư pháp, Tòa án vv... Qua đó, đã nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, tầng lớp nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người. Bên cạnh công tác phòng ngừa xã hội, lực lượng công an Điện Biên đẩy mạnh các biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ. Từ năm 2015 đến nay, Công an tỉnh Điện Biên đã phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chức năng phát hiện, điều tra bắt giữ 17 vụ, 30 đối tượng phạm tội mua bán người và mua bán trẻ em, làm rõ 23 nạn nhân bị mua bán ra nước ngoài. Trong đó, xác lập và phá 7 chuyên án, bắt 12 đối tượng, làm rõ và giải cứu 10 nạn nhân.

Điển hình: Gần đây nhất Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh đã triệt phá một đường dây mua bán phụ nữ, bắt nhóm đối tượng Lò Văn Oai (SN 1980) HKTT bản Cang, xã Nà Tấu, huyện Điện Biên; Lò Thị Tươi (SN 1985), Lò Thị Hương (SN 1988), Lò Thị Yến (SN 1981) đều có HKTT bản Pá Vạt, xã Mường Luân, huyện Điện Biên Đông và Lò Thị Thoại (SN 1986) HKTT bản Na Ngự, xã Phì Nhừ, huyện Điện Biên Đông. Các đối tượng này đã sang Trung Quốc làm gái mại dâm từ năm 2011 và đã được chủ chứa mại dâm là Bùi Thị Quyên (SN 1975) trú tại Tiên Châu, Mê Linh, Hà Nội hiện đang sinh sống tại Trung Quốc động viên về Việt Nam lừa thêm phụ nữ sang bán dâm và sẽ trả cho các đối tượng từ 8 đến 10 triệu đồng một phụ nữ. Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2012 đến tháng 7/2013, nhóm đối

tượng này lần lượt về Việt Nam với chiêu bài lừa các nạn nhân đi bán hàng tại Lào được trả lương cao. Các đối tượng đã lừa và đưa các em Lò Thị U (SN 2000), Lò Thị H (SN 1999), Lò Thị D (SN 1986) đều có HKTT tại bản Pá Vạt, xã Mường Luân, huyện Điện Biên Đông và Lò Thị L (SN 1996) HKTT bản Cộng, Chiềng Sơ, Thành phố Sơn La sang Trung Quốc bán dâm. Để phá thành công đường dây mua bán phụ nữ có số đối tượng tham gia lớn như thế này, lực lượng công an đã rất vất vả, mưu trí, ban đầu chỉ từ những thông tin ít ỏi, mơ hồ về việc có một số phụ nữ tại địa bàn xã Mường Luân đi khỏi địa bàn không rõ tung tích. Lực lượng công an đã phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành rà soát các mối quan hệ của các nạn nhân và khoanh vùng đối tượng. Sau khi có đủ căn cứ khẳng định các đối tượng và nạn nhân đang ở bên kia biên giới, Công an tỉnh Điện Biên đã phối hợp với Bộ đội Biên phòng tỉnh Lào Cai đề nghị phía Công an Trung Quốc giúp đỡ và kết quả đã bắt được các đối tượng và giải cứu được nạn nhân đưa về địa phương đoàn tụ cùng gia đình. Qua khảo sát thực tế cho thấy, đa số chị em bị lừa bán đều nhẹ dạ, cả tin, trình độ dân trí thấp, có hoàn cảnh khó khăn, thiếu việc làm. Mặt khác, ở nhiều địa bàn vùng cao trong tỉnh vẫn còn tình trạng bạo hành, phân biệt đối xử đối với phụ nữ, nhận thức về cuộc sống xã hội của số đông phụ nữ, nhất là đối tượng phụ nữ trẻ còn hạn chế, dẫn tới nhiều trường hợp phụ nữ bỏ nhà ra đi vì những cám dỗ rất giản đơn hoặc vì

nông nổi bật phát...do vậy dễ bị mắc bẫy của các đối tượng bởi những lời hứa hẹn sẽ tìm được việc làm có thu nhập cao hoặc lấy chồng Trung Quốc có cuộc sống nhàn hạ. Nhưng trong thực tế họ đã bị ép trở thành vợ của những người đàn ông nhiều tuổi, kể cả người tàn phế; số khác bị bán vào các động mại dâm, bị bóc lột, hành hạ cả về thể xác lẫn tinh thần, không có cơ hội trốn thoát, trở về nước. Đau lòng hơn ở một số xã, bản vùng sâu, vùng xa do thiếu thông tin, nên một số em gái độ tuổi 13, 14 đang là học sinh Trung học cơ sở vẫn bị dụ dỗ, lừa bán làm gái mại dâm. Họ dễ dàng theo sự chỉ dẫn của đối tượng dù chỉ mới quen biết. Đói nghèo, thất học và thất nghiệp dẫn đến những ham hố lợi ích vật chất, hạn chế về nhận thức, thiếu hiểu biết, đây là những điều kiện thuận lợi cho bọn tội phạm mua bán người tiếp cận, lôi kéo, dụ dỗ. Một số trường hợp do thiếu sự quan tâm, dạy dỗ của gia đình, có những trường hợp con gái bỏ nhà đi nhiều ngày mà bố mẹ không quan tâm; cũng có những gia đình vì cuộc sống nghèo khó, không có thời gian và sức lực để chăm sóc con, thậm chí cũng tin và đồng ý cho con cái đi theo lời rủ rê của các đối tượng xấu mà không biết ẩn sau đó là những “cạm bẫy” chết người và một chuỗi ngày khổ cực, tủi nhục của con mình nơi xứ người.

Từ năm 2015 đến nay, lực lượng Công an, Bộ đội biên phòng, ngành Lao động Thương binh và xã hội đã tổ chức tiếp nhận và giải cứu 71 trường hợp (trong đó: giải cứu 14 trường hợp là nạn nhân trong vụ án mua bán

người, 04 trường hợp là nạn nhân bị mua bán tự trở về, tiếp nhận 53 trường hợp do Công an Trung Quốc trao trả. Sau khi trở về địa phương, các trường hợp nêu trên đều được chính quyền địa phương phối hợp cùng các ngành chức năng quản lý, theo dõi và tạo mọi điều kiện thuận lợi, hỗ trợ về vật chất và tinh thần để các nạn nhân nhanh chóng ổn định cuộc sống, hoà nhập cộng đồng. Bên cạnh đó, công tác hợp tác quốc tế về phòng, chống tội phạm mua bán người giữa Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Lào được tăng cường hơn. Công an tỉnh Điện Biên và Bộ đội Biên phòng tỉnh thường xuyên chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ, nhất là Công an các huyện biên giới, Đồn Biên phòng tăng cường công tác phối hợp và hợp tác với An ninh các tỉnh Bắc Lào, Công an tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) trong công tác phòng, chống tội phạm có liên quan, trong đó có tội phạm mua bán người và bảo đảm ANTT tại địa bàn, khu vực biên giới và trên tuyến biên giới. Trong những năm qua, các lực lượng chức năng của hai bên đã duy trì quan hệ phối hợp, trao đổi thông tin, nắm tình hình hoạt động của tội phạm mua bán người trên tuyến biên giới; xác minh thông tin về các đối tượng mua bán người và những nạn nhân bị mua bán sang Lào và Trung Quốc, phục vụ công tác quản lý đối tượng cũng như phòng, chống tội phạm mua bán người.

Xác định công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người và tội phạm tổ chức đưa người khác trốn đi nước ngoài xuất cảnh trái phép

trong thời gian tới còn nhiều khó khăn, phức tạp. Căn cứ vào tình hình thực tiễn tại địa phương, để khắc phục những khó khăn, nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm mua bán người, chúng tôi nêu lên một số giải pháp như sau:

Một là, cần rà soát, phát hiện và có biện pháp khắc phục những sơ hở, thiếu sót trong quản lý nhà nước, nhất là trong quản lý cư trú, nắm hộ, nắm người; quản lý các cơ sở y tế, trung tâm bảo trợ xã hội, ngành nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự; quản lý hôn nhân có yếu tố người nước ngoài.

Hai là, chủ động phối hợp với các cơ quan ban ngành đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, đưa phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc phát triển sâu rộng; làm tốt công tác quản lý địa bàn và tăng cường tuần tra, kiểm soát khu vực biên giới, nơi xa xôi, hẻo lánh mà bọn tội phạm thường lợi dụng hoạt động.

Ba là, các ban, ngành, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức pháp luật, nâng cao nhận thức, hiểu biết về xã hội nói chung, năng lực nhận biết và phòng ngừa các thủ đoạn lừa đảo của bọn tội phạm mua bán phụ nữ và trẻ em nói riêng, để nhân dân nâng cao cảnh giác, có ý thức tự phòng ngừa và tố giác tội phạm. Các hoạt động truyền thông cần được phong phú đa dạng, thiết thực có

chiều sâu, đồng thời sớm đưa vào phổ biến trong các giờ ngoại khóa tại các trường tiểu học, THCS và THPT trên địa bàn tỉnh; thông qua các cuộc họp chi bộ, họp thôn, bản, các buổi sinh hoạt cộng đồng, lồng ghép vào các hoạt động văn hóa văn nghệ tuyên truyền ở cơ sở, góp phần bảo đảm ANTT trên địa bàn.

Bốn là, tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát, tấn công trấn áp tội phạm mua bán người tại các địa bàn trọng điểm trong toàn tỉnh. Nâng cao hơn nữa công tác phối hợp, phân công trách nhiệm giữa lực lượng Cảnh sát hình sự với các lực lượng nghiệp vụ khác và chính quyền địa phương trong hoạt động phòng ngừa tội phạm mua bán người; nhất là giữa công an với biên phòng, hải quan và chính quyền địa phương sở tại.

Năm là, chú trọng việc tiếp nhận, hỗ trợ và tạo việc làm cho những nạn nhân bị mua bán trở về địa phương để họ nhanh chóng tái hòa nhập cộng đồng, ổn định cuộc sống. Bên cạnh đó các lực lượng chức năng thực hiện quyết liệt các biện pháp nghiệp vụ đấu tranh phòng, chống hiệu quả loại tội phạm này, nhất là công tác phối hợp với Công an Trung Quốc và An ninh Lào tiến hành giải cứu đưa các nạn nhân về đoàn tụ với gia đình.

Thiếu tá. Hoàng Xuân Sang

*Phó Trưởng phòng Công tác chính trị,
Công an tỉnh Điện Biên*

Những mảnh đời

Những ngày cuối tháng hai, thời tiết như cô gái đồng đánh, khó chiều khi chợt nắng rồi lại chợt mưa. Ai cũng đều hối hả, bận rộn để hoàn thành những công việc còn dang dở sau kì nghỉ Tết cổ truyền của dân tộc. Vào những ngày trời hanh hao như thế, tôi đã tiếp nhận một trường hợp đặc biệt, mà có lẽ không bao giờ tôi quên trong quá trình công tác của mình.

Tìm đến với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên là một người giàu lòng nhân ái. Hiện nay, chị đang là trưởng nhóm thiện nguyện mang tên loài hoa đặc trưng cho núi rừng Tây Bắc, nhóm thiện nguyện Hoa Ban. Thực hiện công việc tiếp dân như mọi ngày theo sự phân công của Lãnh đạo Trung tâm, tôi hướng dẫn chị viết đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý và trình bày về vụ việc mà chị đang gặp phải khi cần đến sự hỗ trợ pháp lý của Trung tâm. Được hướng dẫn, chị chia sẻ về việc tại địa bàn phường Tân Thanh



có 03 trường hợp các cháu bé có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, mặc dù các cháu còn đầy đủ cả bố và mẹ nhưng họ thực sự chưa làm tròn trách nhiệm để đảm bảo cho các cháu đầy đủ tương lai như bao đứa trẻ khác. Vấn đề quan trọng nhất là từ khi sinh ra đến khi lớn lên, các cháu chưa hề có Giấy khai sinh để được hưởng các quyền lợi hợp pháp theo quy định. Mặc dù nhóm thiện nguyện Hoa Ban đã liên hệ với

nhiều cơ quan, ban ngành để có phương án giúp các cháu hoàn thiện những giấy tờ cần thiết. Tuy nhiên, việc thực hiện không thể vì còn nhiều lý do như chưa thống nhất được phương án giải quyết, các giấy tờ tùy thân của bố mẹ các cháu còn sai sót. Tưởng chừng như bế tắc và nghĩ cuộc đời các cháu sẽ còn nhiều vất vả. Và có lẽ, để thực hiện được các giấy tờ cần thiết cho các cháu phải chờ đợi lâu hơn nữa.

Nhưng tấm lòng thiện nguyện của chị đã được đền đáp. Qua các kênh thông tin, chị biết đến Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên, chị đã tìm đến và đề nghị Trung tâm thực hiện các thủ tục pháp lý nhằm đảm bảo đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của các cháu bé.

Nhận thấy đây là trường hợp cần sự trợ giúp cấp thiết, Giám đốc Trung tâm đã quyết định tiếp nhận đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý và cử bà Lê Thị Diệu – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm thực hiện đại diện ngoài tổ tụng để hỗ trợ về pháp luật đối với trường hợp ba cháu bé theo đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý.

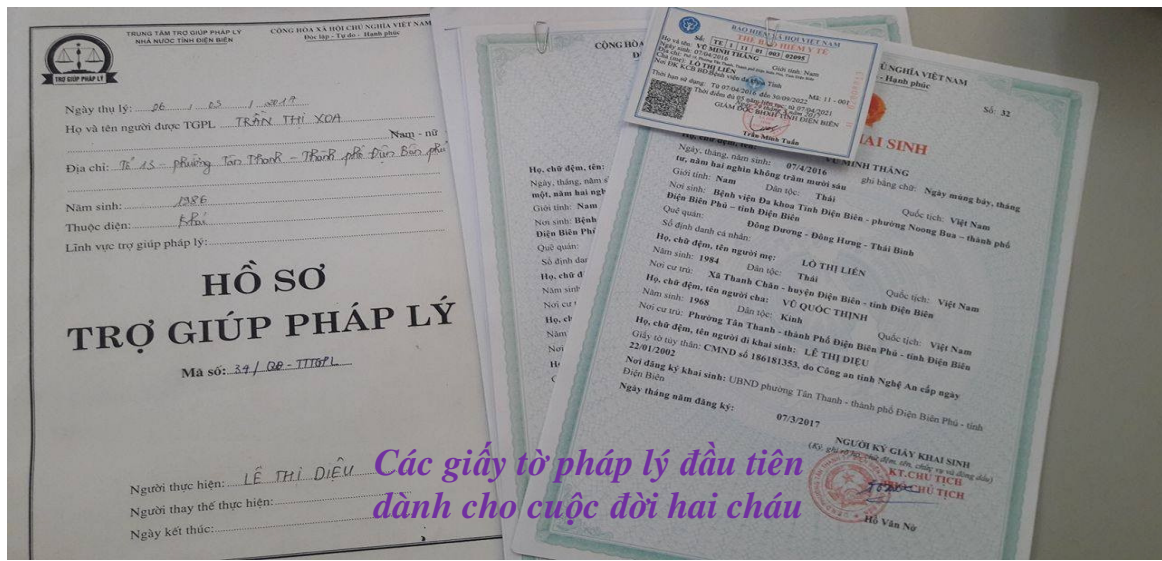
Qua tìm hiểu, chúng tôi được biết trường hợp của các cháu đã nhận được nhiều sự quan tâm và ủng hộ của các tấm lòng hảo tâm tại địa bàn tỉnh Điện Biên nói riêng và trên khắp cả nước nói chung. Nhìn hình ảnh ba cháu bé do chị trưởng nhóm thiện nguyện cung cấp, ai trong chúng tôi cũng đều cảm thấy xót xa, thương cảm cho

những mảnh đời còn khó khăn, cần nhiều bàn tay nhân ái để tạo dựng một cuộc sống tốt đẹp hơn cho chúng.

Bắt đầu thực hiện những thủ tục đầu tiên đối với trường hợp hai cháu Thành và Thắng, chúng tôi đã gặp phải không ít khó khăn khi biết các cháu từ khi sinh ra đến nay chưa hề có một giấy tờ hợp pháp nào để các cháu có thể bước vào đời như những đứa trẻ cùng trang lứa. Tiến hành đăng ký khai sinh cho các cháu, chúng tôi đã liên hệ trực tiếp với cán bộ Tư pháp – hộ tịch của Ủy ban nhân dân phường Tân Thanh để thực hiện việc đăng ký khai sinh quá hạn đối với trường hợp của hai cháu bé. Tại khoản 1 Điều 11 Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 nêu rõ: “*Trẻ em có quyền được khai sinh và có quốc tịch*”; Điều 13 Luật Trẻ em năm 2016 (có hiệu lực từ ngày 01/6/2017) quy định về Quyền được khai sinh và có quốc tịch của trẻ em như sau: “*Trẻ em có quyền được khai sinh, khai tử, có họ, tên, có quốc tịch; được xác định*

cha, mẹ, dân tộc, giới tính theo quy định của pháp luật”. Do đó, chúng tôi nhanh chóng thực hiện trình tự thủ tục pháp lý để đăng ký khai sinh cho các cháu. Việc đăng ký khai sinh cho cháu Thắng hoàn thành, chúng tôi tiếp tục các thủ tục cần thiết để làm thẻ bảo hiểm miễn phí cho cháu, đảm bảo cháu được hưởng những quyền lợi chính đáng khi trở thành công dân của đất nước Việt Nam.

Việc đăng ký khai sinh của cháu Thành lại phức tạp hơn so với trường hợp của cháu Thắng. Khi ở độ tuổi lên bảy, cháu phải được cấp sách đến trường như bạn bè cùng trang lứa và phát triển bình thường để trở thành người có ích cho xã hội. Tuy nhiên, không phải cuộc đời nào cũng bằng phẳng, không phải cứ sinh ra là trọn vẹn trách nhiệm. Sinh cháu vào năm 2009, trong quá trình thực hiện làm Giấy chứng sinh, gia đình của cháu đã khai sai tên của mẹ cháu trong quá trình sinh nở. Vì vậy, Giấy chứng sinh và bệnh án của mẹ cháu đã sai so với



Các giấy tờ pháp lý đầu tiên dành cho cuộc đời hai cháu

giấy tờ khác như Sổ hộ khẩu, Đăng ký kết hôn. Theo quy định, không thể đăng ký khai sinh cho cháu khi chưa đính chính đúng Giấy chứng sinh. Với kinh nghiệm và ý nghĩ “sai ở đâu bắt đầu sửa ở đó”, Trợ giúp viên pháp lý đã có buổi làm việc với Lãnh đạo bệnh viện để tìm phương án hợp lý đối với trường hợp của mẹ cháu Thành. Qua quá trình làm việc, được Lãnh đạo bệnh viện đa khoa tỉnh tạo điều kiện, Trợ giúp viên đã đính chính được tên mẹ cháu trong Giấy Chứng sinh để thực hiện việc đăng ký khai sinh cho cháu Thành hợp pháp.

Hoàn thiện những thủ tục cần thiết theo yêu cầu của người được trợ giúp pháp lý. Chúng tôi

đều vui mừng khi đã giúp các cháu có giấy tờ tùy thân, xác nhận về mặt pháp lý sự hiện diện của một cá nhân. Là tiền đề để các cháu được hưởng các dịch vụ hoặc sự quan tâm khác từ xã hội từng bước trở thành công dân có ích trong tương lai. Kết thúc vụ việc, Trợ giúp viên pháp lý có chia sẻ: *“khi thực hiện vụ việc bằng cái tâm của người làm nghề trợ giúp pháp lý miễn phí, sẽ tự thấy mình có thêm sức mạnh và ý chí để bảo vệ đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân”*.

Khép lại một vụ việc như bao nhiêu vụ việc đã được thực hiện tại Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên, lắng nghe sự chia sẻ của những thế hệ Trợ giúp

viên pháp lý đã có bề dày kinh nghiệm trong nghề, bản thân tôi cũng cảm thấy như được truyền thêm cảm hứng và gắn bó hơn với nghề, với công việc đang thực hiện, tự nhủ cần cố gắng học hỏi và phát triển mình hơn nữa để đem lại niềm vui dù nhỏ bé nhưng có ích cho người dân, cho xã hội. Đặc biệt, có thể giúp được nhiều mảnh đời như các cháu Thành và Thắng có được cuộc sống tốt đẹp hơn, đáng sống hơn. Và hơn hết, các cháu có cơ hội để trở thành người có ích cho đất nước và nhất là cho chính cuộc đời các cháu.

*Bài & Ảnh: Lê An
Trung tâm
TGPLNN tỉnh Điện Biên*

